



VAI TRÒ CỦA TRUNG QUỐC Ở CHÂU Á

Nguồn: Philip C. Saunders (2008). “China’s Role in Asia”, in David Shambaugh & Michael Yahuda (eds), *International Relations of Asia* (Maryland: Rowman & Littlefield Publishers), pp. 127-149.

Biên dịch: Hoàng Thu Trang | **Hiệu đính:** Lê Hồng Hiệp

Sau nhiều thập kỉ chỉ tạo ảnh hưởng mức độ vừa phải ở Châu Á, Trung Quốc hiện giờ đã đóng vai trò chủ động và quan trọng hơn trong khu vực. Cải cách kinh tế và sau đó là sự hội nhập vào mạng lưới sản xuất khu vực và toàn cầu của Trung Quốc đã tạo ra tăng trưởng kinh tế nhanh chóng trong 3 thập kỷ, khiến sức mạnh quốc gia của Trung Quốc tăng lên đáng kể. Chiến lược an ninh khu vực của Trung Quốc và một loạt các biện pháp trấn an về ngoại giao, quân sự, và kinh tế đã có những tác động đáng kể làm giảm quan ngại của các nước Châu Á về sức mạnh của Trung Quốc. Một vài nghiên cứu gần đây thừa nhận rằng cái nhìn của các nước Châu Á về Trung Quốc đã dần thay đổi từ xem Trung Quốc như một mối đe dọa sang nhìn nhận Trung Quốc như một cơ hội, mặc dù Nhật Bản là một ngoại lệ đối với xu hướng này.¹ Ở mức độ nào đó, điều này phản ánh sự chấp nhận một thực tế rằng các quốc gia Châu Á nhỏ hơn hoàn toàn không có sức mạnh để có thể thay đổi (hiện trạng trên). Tuy nhiên, sự suy giảm những tình cảm chống Trung Quốc vốn phổ biến một thập kỷ trước đây là chỉ dấu cho thấy những thành công trong chính sách Châu Á của Trung Quốc. Như Robert Sutter đã chỉ ra, rất khó để có thể đánh giá ảnh hưởng của Trung Quốc đối với Châu Á đã thực sự tăng lên tới mức nào do Trung Quốc không đòi hỏi các quốc gia Châu Á khác phải thực hiện các hành động tổn kém đi ngược lại lợi ích của họ.²

Chương này xem xét những chiến lược khu vực của Trung Quốc và các nguồn ảnh hưởng của Trung Quốc, cân nhắc cách Trung Quốc có thể sử dụng sức mạnh của mình trong tương lai, và đánh giá cách các nước Châu Á và các cường quốc toàn cầu khác có thể đối phó với một Trung Quốc ngày càng lớn mạnh và có tầm ảnh hưởng rộng lớn ra sao. Chương

này cũng xem xét các quan điểm lý thuyết đối lập nhau về các hành vi quốc tế của Trung Quốc, tác động có thể có nếu xu hướng hiện tại vẫn tiếp tục, và các diễn biến tiềm tàng có thể làm thay đổi chính sách khu vực của Trung Quốc. Chương này cũng lập luận rằng chiến lược trấn an của Trung Quốc đã có những thành công đáng kể trong việc gìn giữ môi trường khu vực ổn định và thuyết phục những nước láng giềng nhìn nhận Trung Quốc như một cơ hội hơn là một mối đe dọa. Tuy nhiên, mặc dù Trung Quốc đã có những hành vi khu vực mang tính kiềm chế và xây dựng trong thập kỷ qua, vẫn tồn tại những quan ngại đáng kể về cách một Trung Quốc lớn mạnh và ít bị hạn chế hơn có thể cư xử trong tương lai như thế nào.

Chiến lược Châu Á của Trung Quốc

Chiến lược khu vực của Trung Quốc bắt nguồn một phần từ đại chiến lược toàn cầu của nước này.³ Vấn đề nội địa được quan tâm hàng đầu của các nhà lãnh đạo Trung Quốc là duy trì ổn định chính trị và đảm bảo quyền lực liên tục của Đảng Cộng sản Trung Quốc (ĐCSTQ). Những nhà lãnh đạo của ĐCSTQ đã cố gắng gây dựng nguồn lực ủng hộ chính trị mới bằng cách nâng cao chất lượng cuộc sống thông qua sự tăng trưởng nhanh chóng của nền kinh tế và bằng cách khơi dậy tình cảm dân tộc chủ nghĩa.⁴ Trong suốt thời kỳ đổi mới, các nhà lãnh đạo Trung Quốc đã tập trung vào việc duy trì một môi trường quốc tế mang tính ổn định hỗ trợ cho hiện đại hóa nền kinh tế. Mục tiêu này đòi hỏi Trung Quốc phải tránh mối quan hệ thù địch với Mỹ, quốc gia đang giữ sức mạnh thống trị trong hệ thống quốc tế hiện tại. Do sự đối đầu có chi phí quá lớn, Bắc Kinh theo đuổi quan hệ ổn định, hợp tác với Washington. Tuy nhiên nhiều người trong giới tinh hoa Trung Quốc tin rằng nước Mỹ vẫn mưu cầu lật đổ hệ thống chính trị Trung Quốc và tìm cách kìm hãm tiềm năng kinh tế và quân sự của nước này. Do đó Trung Quốc luôn cố gắng xây dựng mối quan hệ tích cực với các cường quốc hiện hữu cũng như tiềm tàng để tạo thuận lợi cho sự xuất hiện của một trật tự thế giới đa cực và không cho Mỹ có cơ hội xây dựng một liên minh nhằm kiềm chế Trung Quốc và ngăn chặn sự tiếp tục lớn mạnh của nước này. Bằng cách quản lý tốt mối quan hệ với Mỹ, các cường quốc khác, và với các quốc gia đang phát triển, các nhà lãnh đạo Trung Quốc hi vọng rằng sẽ tận dụng được thời kỳ cơ hội chiến lược trong hai thập kỷ đầu thế kỷ 21 để xây dựng sức mạnh quốc gia toàn diện của Trung Quốc và nâng cao vị trí quốc tế của quốc gia này.

Đại chiến lược này xác định rõ bối cảnh quốc tế và trong nước mà trong đó Trung Quốc hình thành và theo đuổi chính sách Châu Á của mình. Châu Á là vùng có tầm quan trọng lớn nhất trên thế giới đối với Trung Quốc trong lĩnh vực kinh tế, an ninh và chính trị. Đây cũng là đích đến quan trọng nhất đối với xuất khẩu Trung Quốc (chiếm 45% xuất khẩu Trung Quốc trong năm 2004) và đối với đầu tư Trung Quốc (chiếm ít nhất 2,45 tỉ đô la đầu tư nước ngoài của Trung Quốc trong năm 2005).⁵ Châu Á đóng vai trò như nguồn nguyên liệu thô, nhà cung cấp linh kiện, công nghệ và chuyên môn quản lý cho mạng lưới sản xuất

toàn cầu hoạt động tại Trung Quốc; và Châu Á cũng ngày càng đóng vai trò là thị trường cho các sản phẩm hoàn thiện của Trung Quốc. Nguồn vốn FDI Châu Á đóng vai trò chủ đạo trong việc thúc đẩy kinh tế Trung Quốc phát triển và bùng nổ xuất khẩu. Sự thành công của nền kinh tế Trung Quốc có thể được quy cho hoạt động của các công ty đa quốc gia vốn nhập khẩu linh kiện thành phần từ Châu Á, lắp ráp hàng hóa sử dụng lao động người Trung Quốc, và xuất khẩu các sản phẩm đã hoàn thành đến các thị trường ở Mỹ, Châu Âu, và các nơi khác. Xấp xỉ 60% xuất khẩu Trung Quốc được sản xuất bởi các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, rất nhiều trong số đó đóng trụ sở tại Châu Á.⁶ Trung Quốc ngày càng trở nên phụ thuộc vào dầu thô nhập khẩu từ khu vực Trung Đông và vào các tuyến đường giao thông trên biển phục vụ cho trao đổi hàng hóa. Phần lớn lưu lượng giao thông này đều đi qua các vùng biển của các nước Châu Á, bao gồm cả các điểm nghẽn tiềm tàng như eo biển Malacca.

Địa lý cũng khiến Châu Á đóng vai trò quan trọng đối với Trung Quốc từ góc độ an ninh. Trung Quốc có chung đường biên giới đất liền với 14 nước Đông Nam Á, Nam Á, và Trung Á. Các nhà lãnh đạo Trung Quốc quan ngại rằng các nước láng giềng có thể là cơ sở cho các lực lượng lật đổ hoặc cho những nỗ lực quân sự để kiềm chế Trung Quốc. Đây là mối quan tâm chính bởi phần lớn các dân tộc thiểu số của Trung Quốc, điều mà các nhà lãnh đạo Trung Quốc nhìn nhận như một mối đe dọa ly khai tiềm tàng, sống ở các vùng biên giới có dân cư thưa thớt. Sự quan ngại của người Trung Quốc về mối đe dọa đến từ “chủ nghĩa khủng bố, chủ nghĩa ly khai, và chủ nghĩa tôn giáo cực đoan” đã thúc đẩy gia tăng các nỗ lực hợp tác an ninh với các nước láng giềng Trung Á và Nam Á. Tranh chấp lãnh thổ chưa được giải quyết của Trung Quốc đều nằm ở Châu Á, bao gồm tranh chấp quần đảo Trường Sa và Biển Đông, quần đảo Điếu Ngư/Senkaku và một phần biển Hoa Đông, và yêu sách của Trung Quốc đối với Đài Loan. Trung Quốc cũng lo ngại về khả năng bao vây và đe dọa từ lực lượng quân sự thông thường đóng ở xung quanh nước này. Vào những năm 1960, Mỹ có lực lượng quân sự đáng kể đóng ở Đài Loan, Philippines, Nhật Bản, Hàn Quốc, và Thái Lan, tất cả đều nằm trong phạm vi có thể tấn công vào lãnh thổ Trung Quốc. Các chiến lược gia Trung Quốc rất nhạy cảm với các hành động gần đây của Mỹ để củng cố khả năng triển khai sức mạnh quân sự của mình ở Thái Bình Dương và viễn cảnh các liên minh của Mỹ ở Châu Á sẽ một ngày nào đó quay qua chống lại Trung Quốc.

Cuối cùng, Châu Á cũng mang tầm quan trọng trong môi trường chính trị. Đó là nơi hiện diện các cường quốc chính như Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, và các nền kinh tế tiên tiến như Hàn Quốc và Singapore. Đông Á chiếm 29% dân số thế giới và sản xuất khoảng 19% GDP toàn cầu.⁷ Nếu Châu Á có khả năng hành động chung, đó có thể là đối thủ địa chính trị nặng ký đối với Bắc Mỹ và Châu Âu. Châu Á có lịch sử thiếu vắng các mạng lưới thể chế khu vực vốn mang lại sự hợp tác kinh tế và an ninh như tại Châu Âu, hỗ trợ quá trình hội nhập khu vực, dẫn đến sự thành lập Liên minh Châu Âu. Sự đa dạng về chính trị, dân tộc, và văn hóa của khu vực và xu hướng các quốc gia Châu Á cạnh tranh nhau trong việc

bảo vệ chủ quyền của họ đã cản trở sự thành lập các tổ chức mạnh mẽ trong khu vực. Tuy nhiên, trong thập kỷ vừa qua, các tổ chức khu vực mới đã nổi lên để thúc đẩy hợp tác khu vực giữa các nước Châu Á về kinh tế, an ninh, và chính trị. Một loạt các tổ chức phi chính phủ và mạng lưới liên kết con người-với-con người mạnh mẽ đã nổi lên ở cấp độ xã hội. Một số nhìn nhận các quá trình này như sự thúc đẩy hội nhập khu vực lớn hơn, điều sẽ tạo thay đổi lớn cho động lực chính trị của Châu Á. Trung Quốc có lợi ích lớn trong việc ảnh hưởng đến sự phát triển chính trị của khu vực theo cách có thể đẩy mạnh lợi ích của Trung Quốc, hạn chế các diễn tiến có thể đi ngược lại với những mục tiêu của nước này.

Kết quả mà Trung Quốc mong muốn là một môi trường ổn định ở Châu Á cho phép kinh tế Trung Quốc tiếp tục tăng trưởng mạnh để hỗ trợ cho việc gia tăng sức ảnh hưởng của Trung Quốc. Nhiều nhà phân tích phương Tây tin rằng mục tiêu tối hậu (nhưng không công khai) của Trung Quốc là thay thế vị trí của Mỹ trong vai trò cường quốc thống trị ở Châu Á.⁸ Nhiều nhà phân tích Trung Quốc thừa nhận rằng vai trò của Mỹ trong việc duy trì ổn định khu vực và bảo vệ các đường giao thông trên biển đóng góp lớn cho việc duy trì ổn định khu vực và có lợi cho Trung Quốc. Liên minh an ninh Mỹ - Nhật có tác động kiềm chế nhất định đối với Tokyo, mặc dù các nhà phân tích Trung Quốc tin rằng ảnh hưởng của hạn chế này đã bị giảm đi trong những năm gần đây do các chuyển biến trong liên minh và việc dỡ bỏ dần dần những hạn chế pháp lý đối với các hoạt động quân sự của Nhật Bản. Tuy nhiên, khả năng sức mạnh của Mỹ và các liên minh có thể được dùng để chống lại Trung Quốc khiến các nhà phân tích nước này cảm thấy không thoải mái với vai trò an ninh lâu dài của Mỹ ở khu vực. Trung Quốc phủ nhận tham vọng muốn thống trị Châu Á, tuyên bố rằng nước này sẽ không bao giờ mưu cầu quyền bá chủ và nói về sự hợp tác trên nền tảng công bằng, tôn trọng lẫn nhau, và không can thiệp vào công việc nội bộ của các nước khác. Nhưng các nhà lãnh đạo Trung Quốc có nhận thức sâu sắc về xu hướng đang thay đổi trong cân bằng sức mạnh khu vực và toàn cầu, điều đang được theo dõi sát sao bởi các cơ quan tình báo và các viện nghiên cứu Trung Quốc.

Các nhà lãnh đạo Trung Quốc nhận thức được rằng sự lớn mạnh về kinh tế và quân sự của Trung Quốc được nhìn nhận như một mối đe dọa tiềm tàng bởi các quốc gia khác trong khu vực.⁹ Sự quan ngại này một phần phản ánh di sản của sự ủng hộ của Trung Quốc trước đây đối với các đảng cộng sản và phong trào giải phóng dân tộc ở các quốc gia Châu Á. Bắc Kinh kết thúc sự ủng hộ dựa trên ý thức hệ này vào đầu những năm 1980, nhưng các quốc gia Châu Á vẫn thận trọng về khả năng Trung Quốc có thể xây dựng mối quan hệ với các công dân gốc Trung Quốc nhằm làm xói mòn chủ quyền quốc gia của họ. Những mối quan ngại tiềm ẩn này càng trầm trọng hơn bởi những nỗ lực hiếu chiến của Trung Quốc trong việc theo đuổi những yêu sách lãnh thổ đối với quần đảo Trường Sa, bao gồm việc chiếm đóng vào năm 1995 và sau đó gia cố bãi Vành Khăn (Mischief Reef), một bãi đá nhỏ ở Biển Đông được tuyên bố chủ quyền bởi Philippines. Cuối năm 1995 và tháng 3 năm 1996, Trung Quốc đã cảnh tỉnh nhiều quốc gia trong khu vực bởi việc sử dụng các đợt diễn

tập quân sự (trong đó bao gồm việc bắn tên lửa đạn đạo ở vùng biển gần Đài Loan) để bày tỏ sự không hài lòng của mình với quyết định của Mỹ cho phép tổng thống Đài Loan Lý Đăng Huy đến thăm Mỹ và có bài phát biểu tại trường Đại học Cornell. Những hành động này dẫn tới những bài báo nhấn mạnh về sự tăng trưởng kinh tế nhanh chóng, tiến trình hiện đại hóa quân sự, và sự gia tăng chủ nghĩa dân tộc của Trung Quốc và đặt ra câu hỏi liệu Trung Quốc có đe dọa đến khu vực Châu Á – Thái Bình Dương hay không.¹⁰ Các quan chức và học giả Trung Quốc công kích “thuyết môi đe dọa Trung Quốc” nhưng cũng thừa nhận việc cần giải quyết mối quan ngại của các nước láng giềng. Tuy nhiên, những nỗ lực trấn an cũng đi kèm với việc tiếp tục gia tăng chi tiêu quân sự (ngân sách quốc phòng chính thức đã có mức tăng thực tế hai con số hằng năm kể từ năm 1999) và mở rộng khả năng quân sự, vốn trở thành nguồn quan ngại mới ở Châu Á, đặc biệt là ở Nhật Bản.

Vấn đề nan giải của Trung Quốc là tìm cách để Châu Á chấp nhận một vai trò áp đảo ở khu vực của Trung Quốc mà không gây thù địch với Mỹ hoặc gây mất ổn định khu vực. Nhiệm vụ này càng trở nên khó khăn hơn bởi vấn đề Đài Loan, vì Bắc Kinh tự coi “lợi ích cốt lõi” của mình là ngăn chặn Đài Loan độc lập. Trong tương lai gần, hiện đại hóa quân sự của Trung Quốc tập trung vào phát triển các năng lực nhằm ngăn chặn Đài Loan độc lập (được Quân đội Giải phóng Nhân dân [PLA] xác định là phát triển các năng lực để răn đe và làm tăng chi phí can thiệp quân sự của Mỹ). Bắc Kinh đã từ chối loại trừ việc sử dụng vũ lực để giải quyết vấn đề Đài Loan, mặc dù việc giải quyết vấn đề bằng phương pháp hòa bình vẫn được ưu tiên hơn. Các nhà lãnh đạo Trung Quốc cố gắng đóng khung Đài Loan như là một “vấn đề nội bộ”, một điều không liên quan đến các hành vi quốc tế của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, nhưng nhiều quốc gia Châu Á (và Mỹ) sẽ cảnh giác cao độ nếu Trung Quốc sử dụng vũ lực chống lại Đài Loan. Sự chuẩn bị về quân sự của Trung Quốc để đối phó các khả năng liên quan đến Đài Loan đã ngấm ngấm làm suy giảm những nỗ lực của nước này trong việc trấn an khu vực rằng nước này sẽ có trách nhiệm trong việc sử dụng nguồn lực quân sự lớn mạnh của mình.

Chiến dịch trấn an của Trung Quốc

Trung Quốc đã theo đuổi một loạt phương thức ngoại giao, kinh tế, và quân sự để trấn an những người láng giềng Châu Á rằng một Trung Quốc mạnh hơn sẽ không đe dọa đến những lợi ích của họ. Những nỗ lực ngoại giao của Trung Quốc ở Châu Á dựa trên nền tảng là các nhà ngoại giao được đào tạo bài bản và có năng lực, những người có thể truyền tải các thông điệp của Trung Quốc một cách hiệu quả nhất.¹¹ Nội dung thông điệp ngoại giao của Trung Quốc cũng đã thay đổi để hấp dẫn hơn đối với Châu Á. Trong những năm 1997-1998, Trung Quốc đã đề xuất “Khái niệm an ninh mới”, một công thức mới của năm nguyên tắc chung sống hòa bình của nước này vốn kêu gọi sự hợp tác hai bên cùng có lợi dựa trên cơ sở bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, và giải quyết các tranh chấp thông qua đối thoại.¹² Khái niệm này rất phù hợp với các nguyên tắc và biện

pháp ưu tiên trong hoạt động của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).¹³ (Cái gọi là Phương thức ASEAN nhấn mạnh vào việc đưa ra quyết định dựa trên sự đồng thuận, tôn trọng chủ quyền quốc gia, không can thiệp vào nội bộ các nước, và sự tiệm tiến từ từ tới hợp tác an ninh). Cam kết không can thiệp và tôn trọng chủ quyền của Trung Quốc đảm bảo rằng Bắc Kinh sẽ không ủng hộ các nhóm ly khai hoặc can thiệp thay mặt các kiều dân Trung Quốc bên ngoài biên giới của họ.

Trung Quốc đã tìm cách trấn an các nước ASEAN bằng cách can dự và đàm phán với các nước này dựa trên cơ sở đa phương, bỏ qua các lợi thế đàm phán mà một quốc gia mạnh hơn sẽ dễ dàng có được trong đàm phán song phương. Sự sẵn lòng của Bắc Kinh trong việc đàm phán trong khuôn khổ “ASEAN + Trung Quốc” đưa ra một vài bảo đảm rằng Trung Quốc sẽ không theo đuổi chiến lược “chia để trị”. Trung Quốc cũng tiến hành một loạt hội nghị thượng đỉnh hàng năm với ASEAN, bắt đầu tham gia chủ động hơn vào Diễn đàn Khu vực ASEAN và diễn đàn không chính thức là Hội đồng Hợp tác An ninh Khu vực Châu Á Thái Bình Dương (CSCAP), đồng thời ký “Tuyên bố về ứng xử trên Biển Đông”, một cam kết không ràng buộc để giải quyết các tranh chấp lãnh thổ một cách hòa bình. Cam kết này là biện pháp xây dựng lòng tin quan trọng bởi bốn quốc gia ASEAN có yêu sách đối với quần đảo Trường Sa nhưng công nhận rằng họ thiếu sức mạnh để có thể tự mình chống lại Trung Quốc. Tại hội nghị thượng đỉnh Bali năm 2003, Trung Quốc trở thành thành viên ngoài ASEAN đầu tiên ký kết Hiệp ước Hữu nghị và Hợp tác, vốn pháp điển hóa các nguyên tắc ưu tiên của ASEAN về ứng xử quốc tế ví dụ như không xâm lược, không can thiệp, và giải quyết hòa bình các tranh chấp. Bắc Kinh cũng ký một thỏa thuận hợp tác chiến lược với ASEAN, đem lại cho tổ chức này một vị thế bình đẳng với các đối tác là các cường quốc khác của Trung Quốc.

Trung Quốc cũng trở nên sẵn lòng hơn trong việc tham gia sâu hơn vào các tổ chức đa phương khu vực ví dụ như diễn đàn Hợp tác Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương (APEC), ASEAN + 3 (Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc), Diễn đàn Khu vực ASEAN, và Hội nghị Thượng đỉnh Đông Á. Trong lịch sử, Trung Quốc đã từng miễn cưỡng tham gia các diễn đàn đa phương do những quan ngại rằng các quốc gia khác sẽ tập hợp với nhau chống lại Trung Quốc và bởi những quy tắc và quy trình đa phương có thể hạn chế khả năng theo đuổi các lợi ích của nước này. Sự gia tăng tham gia đa phương của Trung Quốc là một phương tiện để định hướng sức mạnh của nước này theo cách khiến nó trở nên dễ được chấp nhận hơn đối với các nước láng giềng.¹⁴ Một số nhà phân tích lập luận rằng Trung Quốc hiện nhìn nhận các tổ chức đa phương và khu vực như một điểm hẹn chính trị quan trọng và trở nên năng động hơn trong các tổ chức này như một cách để theo đuổi lợi ích quốc gia của mình.¹⁵ Sự thành lập Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO) của Trung Quốc như một phương tiện chống chủ nghĩa khủng bố và mở rộng tầm ảnh hưởng của mình ở Trung Á rất tương thích với quan điểm này, tương tự như cách sử dụng ngoại giao song phương của Trung Quốc nhằm

tác động lên nghị trình của các tổ chức đa phương ví dụ như ASEAN và SCO theo hướng làm tăng thêm lợi ích cho Trung Quốc.

Trung Quốc cũng đã thực hiện các biện pháp cụ thể để giải quyết các vấn đề an ninh Châu Á. Một trong những điều quan trọng nhất là những nỗ lực của nước này trong việc giải quyết hầu hết các tranh chấp biên giới đất liền nổi bật với những nước láng giềng trong những năm 1990.¹⁶ Những nỗ lực này đã xoa dịu những quan ngại về xung đột tiềm tàng đối với đường biên giới và mở đường cho gia tăng hợp tác qua biên giới nhằm chống khủng bố và tội phạm có tổ chức. Trong nhiều trường hợp, Trung Quốc đã có những nhượng bộ lãnh thổ với mục đích giải quyết những tranh chấp này (mặc dù Bắc Kinh thường tìm cách giữ kín chi tiết các nhượng bộ này để tránh sự chỉ trích của những người theo chủ nghĩa dân tộc).¹⁷ Quan trọng không kém đó là việc Trung Quốc kiềm chế không sử dụng vũ lực quân sự. Những hành động hiếu chiến vốn đánh động các nước láng giềng Châu Á của Trung Quốc trong những năm 1990 đã không còn được lặp lại trong những năm gần đây.

Luận điệu của Bắc Kinh cho rằng sức mạnh quân sự gia tăng của Trung Quốc là một lực lượng hòa bình, không đe dọa đến bất kì quốc gia nào. Trung Quốc đã có một số nỗ lực chứng minh rằng lực lượng quân sự và bán quân sự của nước này có thể có một số đóng góp hữu dụng cho an ninh khu vực và toàn cầu. Những điều này bao gồm việc gia tăng tham gia nhiệm vụ gìn giữ hòa bình của Liên Hợp Quốc. Tới năm 2006, Trung Quốc có 1.489 quân nhân triển khai trong 9 sứ mệnh của Liên Hợp Quốc và trong Bộ phận các Chiến dịch gìn giữ hòa bình của Liên Hợp Quốc.¹⁸ Vào tháng 9 năm 2007, thiếu tướng Zhao Jingmin trở thành sĩ quan Trung Quốc đầu tiên chỉ huy một sứ mệnh gìn giữ hòa bình Liên Hợp Quốc. Trung Quốc cũng đề nghị gia tăng hợp tác khu vực về các vấn đề an ninh phi truyền thống như cứu trợ thiên tai, chống khủng bố, và chống cướp biển. Mặc dù các nguồn lực mà Trung Quốc cam kết dành cho các sứ mạng vụ này tương đối khiêm tốn, chúng đã mang lại một sự đóng góp tích cực cho an ninh khu vực và biểu trưng cho vai trò mang tính xây dựng của sức mạnh quân sự Trung Quốc.

Trung Quốc cũng có những nỗ lực khiêm tốn trong việc minh bạch hóa các vấn đề quân sự như một biện pháp xây dựng lòng tin. Trung Quốc đã công bố sách trắng đầu tiên về kiểm soát vũ khí và giải trừ quân bị vào năm 1995 và bắt đầu công bố sách trắng về quốc phòng hai năm một lần từ năm 1998. Các sách trắng về quốc phòng mang lại nhiều sự trấn an đối với mục đích hòa bình của Trung Quốc và chỉ hạn chế cung cấp một số thông tin về khả năng quân sự của Giải phóng Quân. Tuy vậy đây vẫn là một bước đi quan trọng hướng tới sự minh bạch lớn hơn. Bắt đầu từ năm 2002, Trung Quốc cũng bắt đầu quan sát và sau đó tham gia vào các đợt tập trận song phương và đa phương với những quốc gia láng giềng như một biện pháp xây dựng lòng tin. Mặc dù phần lớn chỉ đơn giản là các diễn tập tìm kiếm cứu nạn, chúng vẫn mang lại cho quân đội các nước Châu Á cơ hội tương tác với các đối tác PLA. Trung Quốc cũng củng cố chất lượng tham gia của mình vào các cuộc đối thoại an ninh đa phương ở cả cấp độ chính thức và không chính thức và thành lập các cơ chế đối

thoại an ninh song phương với phần lớn các quốc gia chủ chốt ở Châu Á. Mặc dù các đại diện của Trung Quốc vẫn còn miễn cưỡng khi nói về khả năng quân sự Trung Quốc và thường lặp lại các nội dung chính thức đã chuẩn bị sẵn, những cuộc đối thoại này vẫn có một số giá trị nhất định.

Trong lĩnh vực kinh tế, Trung Quốc đã tìm cách thuyết phục các quốc gia Châu Á rằng họ sẽ được chia sẻ lợi ích từ sự tăng trưởng nhanh chóng của Trung Quốc, đồng thời vẫn thúc đẩy lợi ích của Trung Quốc thông qua ngoại giao thương mại. “Hai bên cùng thắng” và “lợi ích chung” là những khẩu hiệu của ngoại giao kinh tế Trung Quốc. Nhập khẩu của Trung Quốc đã thúc đẩy tăng trưởng toàn Châu Á và ở các khu vực khác trên thế giới. Năm 2003, Trung Quốc trở thành thị trường xuất khẩu lớn nhất của Nhật Bản, Hàn Quốc, và Đài Loan. Nhu cầu từ Trung Quốc được ghi nhận là đã giúp hồi sinh nền kinh tế Nhật Bản sau thời kỳ sụt giảm kinh tế kéo dài cả thập kỉ của nước này. Vai trò lớn mạnh của Trung Quốc trong thương mại thế giới và kì vọng của thế giới về sự phát triển trong tương lai của nước này đã biến Trung Quốc thành một thị trường đầy hấp dẫn và mang lại cho Bắc Kinh ảnh hưởng đáng kể trong quan hệ với các đối tác thương mại. Một thành phần tương đối mới của ngoại giao thương mại Trung Quốc liên quan tới các cuộc đàm phán các hiệp định thương mại tự do (FTA) song phương và khu vực. FTA Trung Quốc – ASEAN là một ví dụ tiêu biểu nhất, nhưng hiện tại Trung Quốc cũng đang thương lượng các FTA song phương với Úc, New Zealand, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ, và một số quốc gia khác.¹⁹ FTA của Trung Quốc với ASEAN bao gồm các điều khoản về chương trình “thu hoạch sớm” mang lại lợi ích bổ sung cho các nhà sản xuất nông nghiệp của ASEAN. Các quan chức Trung Quốc cũng thường sử dụng các hiệp định tạo thuận lợi cho thương mại hoặc các mục tiêu thương mại song phương không ràng buộc với mục đích tạo đòn bẩy tiếp cận thị trường như một công cụ ngoại giao trong quan hệ đa phương.

Nguồn sức mạnh của Trung Quốc ở Châu Á

Sức mạnh kinh tế

Sự tăng trưởng kinh tế nhanh chóng của Trung Quốc, và quan hệ kinh tế ngày càng tăng với Châu Á là nguồn quan trọng nhất đối với việc gia tăng tầm ảnh hưởng của Trung Quốc tại Châu Á. Một mẫu hình quan trọng trong quan hệ thương mại của Trung Quốc là việc các quốc gia Đông Á khác đang ngày càng trở nên phụ thuộc vào xuất khẩu sang Trung Quốc, trong khi sự phụ thuộc tương đối của Trung Quốc vào các thị trường Đông Á lại không đổi. Khối lượng trao đổi thương mại của Trung Quốc với các nước Đông Á đã tăng ngoạn mục trong thập kỉ vừa qua, nhưng tỷ trọng xuất khẩu của Trung Quốc sang Đông Á (không bao gồm Hồng Kông) đã giảm từ 34% năm 1996 xuống còn 24% trong năm 2006.²⁰ Ngược lại, Trung Quốc trở thành đối tác thương mại lớn thứ nhất hoặc thứ nhì của hầu hết tất cả các

quốc gia trong vùng kể từ đầu thiên niên kỷ mới (xem bảng 6.1 và 6.2). Mặc dù thỉnh thoảng có những căng thẳng chính trị, thương mại Nhật Bản với Trung Quốc (không tính Hồng Kông) hiện đã lớn hơn thương mại của Nhật Bản với tất cả mười thành viên của ASEAN và vượt qua mức độ thương mại Mỹ - Nhật vào năm 2007. Xuất khẩu của ASEAN sang Trung Quốc đã tăng trưởng nhanh chóng trong những năm gần đây, nhưng thị trường Trung Quốc vẫn chỉ là thị trường xuất khẩu có tầm quan trọng thứ ba đối với các sản phẩm của ASEAN.

Những sự thay đổi trong sự phụ thuộc của Châu Á vào thị trường Trung Quốc phản ánh cả sự chuyển dịch của sản xuất hàng xuất khẩu từ các nền kinh tế Đông Á khác (sang Trung Quốc) để khai thác lượng nhân công giá rẻ của nước này lẫn nhu cầu của thị trường nội địa Trung Quốc đối với hàng nhập khẩu từ Châu Á. Các nhà phân tích và các lãnh đạo Trung Quốc có vẻ tin tưởng rằng sự phụ thuộc về thương mại có thể gây ảnh hưởng chính trị đáng kể khi các nhóm có được lợi ích từ thương mại sẽ hành động để bảo vệ lợi ích kinh tế của họ. Tuy nhiên, các nhóm này không nhất thiết phải là những nhóm có ảnh hưởng chi phối ở các nước khác. Ví dụ, các nhóm doanh nghiệp Nhật Bản thường kêu gọi cải thiện quan hệ Trung – Nhật, nhưng điều này đôi khi vẫn chưa đủ để có thể vượt qua được các tiếng nói khác của Nhật Bản vốn đang tìm kiếm một chính sách cứng rắn hơn đối với Trung Quốc.

Bảng 6.1. Tỷ lệ nhập khẩu từ Trung Quốc (Thứ hạng của Trung Quốc trong vai trò nguồn nhập khẩu)

| | <i>Nhật Bản</i> | <i>Hàn Quốc</i> | <i>Đài Loan^a</i> | <i>ASEAN 6^b</i> | <i>Ấn Độ^c</i> |
|-------------|-----------------|-----------------|-----------------------------|----------------------------|--------------------------|
| 1986 | 4.7% (4) | 0.0% (—) | 0.28% (33) | 4.0% (6) | 0.55% (27) |
| 1996 | 11.6% (2) | 5.7% (3) | 3.00% (7) | 3.0% (5) | 1.90% (18) |
| 2006 | 20.4% (1) | 15.7% (2) | 12.20% (2) | 11.0% (3) | 9.40% (1) |

Nguồn: Cơ sở dữ liệu Comtrade của Liên Hợp Quốc.

^a Số liệu thương mại Đài Loan: Các con số của Đài Loan là từ Văn phòng Ngoại thương Đài Loan, có tại cus93.trade.gov.tw/english/FSCE/FSC0011E.ASP; dữ liệu năm 1989 (năm xa nhất hiện có) được sử dụng cho số liệu năm 1986.

^b ASEAN 6 là Singapore, Malaysia, Indonesia, Thái Lan, Philippines, Brunei. Dữ liệu ASEAN 6 của Brunei sử dụng dữ liệu năm 1985 và dữ liệu năm 1986 để thay thế cho dữ liệu không có sẵn cho các năm 1986 và 1996. Bảng xếp hạng các nước ASEAN 6 coi thương mại nội bộ trong khối ASEAN 6 với các thành viên ASEAN 6 khác (ví dụ, ASEAN 6 xuất khẩu sang Singapore) như là trao đổi thương mại với các quốc gia khác để tiện cho mục đích xếp hạng.

^c Dữ liệu của Ấn Độ năm 1986 lấy từ *IMF Direction of Trade Statistical Yearbook 1990*.

Bảng 6.2. Tỷ lệ xuất khẩu sang Trung Quốc (Thứ hạng của Trung Quốc trong vai trò thị trường xuất khẩu)

| | <i>Nhật Bản</i> | <i>Hàn Quốc</i> | <i>Đài Loan^a</i> | <i>ASEAN 6</i> | <i>Ấn Độ</i> |
|-------------|-----------------|-----------------|-----------------------------|----------------|--------------|
| 1986 | 4.7% (4) | 0.0% (—) | 0.00% (—) | 2.3% (12) | 0.74% (28) |
| 1996 | 5.3% (5) | 8.8% (3) | 0.54% (23) | 2.9% (12) | 1.8% (14) |
| 2006 | 14.3% (2) | 21.3% (1) | 22.70% (1) | 8.8% (3) | 6.6% (3) |

Nguồn: Cơ sở dữ liệu Comtrade của Liên Hợp Quốc

^a Số liệu thương mại Đài Loan.

Trung Quốc cũng nổi lên như một nguồn quan trọng về đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) ở Châu Á. Châu Á là điểm đến quan trọng nhất đối với FDI của Trung Quốc. Các số liệu thống kê của Trung Quốc cho thấy doanh nghiệp Trung Quốc đã đầu tư ít nhất 2,45 tỷ đô la vào Đông Á cho tới năm 2005, trong khi số liệu thống kê của ASEAN cho thấy 2,3 tỷ đô la vốn FDI của Trung Quốc đã được đầu tư vào khu vực trong những năm 2002-2006. Điều này đã tạo nên một đóng góp đáng kể cho nền kinh tế Đông Nam Á, nhưng đầu tư của Trung Quốc chỉ chiếm 1,3% của tổng vốn đầu tư nước ngoài vào khối ASEAN trong thời gian từ năm 2002 – 2006, một tỷ lệ rất nhỏ. Trung Quốc không công bố chi tiết về các chương trình viện trợ nước ngoài của mình, nhưng các nước nghèo hơn ở Đông Nam Á và Trung Á là những đối tượng nhận được hỗ trợ phát triển đáng kể từ Trung Quốc. Những hỗ trợ này phần lớn giúp cải thiện cơ sở hạ tầng giao thông vận tải nối giữa Đông Nam Á và các nước Trung Á với Trung Quốc. Cơ sở hạ tầng này góp phần vào phát triển kinh tế của các quốc gia này, đồng thời cũng giúp liên kết các nước này chặt chẽ hơn với nền kinh tế Trung Quốc và sẽ tạo ra sự phụ thuộc thương mại lớn hơn trong tương lai.²¹ Trung Quốc trong vai trò như một điểm sản xuất trong mạng lưới sản xuất khu vực đã tạo nên mối liên kết giữa các nhà sản xuất Châu Á về các tư liệu đầu vào sản xuất với các thị trường của các nước phát triển tại Mỹ và Châu Âu. Điều này gắn kết lợi ích kinh tế của các công ty và các quốc gia Châu Á theo cách thức các bên đều có lợi.

Sức mạnh quân sự

Một dạng thức sức mạnh khác của Trung Quốc cần được quan tâm là sức mạnh quân sự của nước này. Quân đội của Trung Quốc, tức PLA, trong lịch sử là một lực lượng lục quân lớn với khả năng rất hạn chế trong việc phát huy sức mạnh bên ngoài biên giới. Sức mạnh quân sự của Trung Quốc đã tăng lên đáng kể trong thập niên qua, tạo ra sự tôn trọng mới cũng như làm gia tăng sự quan ngại tại các nước Châu Á khác.²² Một nhà phân tích đã miêu tả “ba trụ cột” trong cải cách và hiện đại hóa quân đội Trung Quốc, bao gồm (1) phát triển, mua sắm, và triển khai các hệ thống và năng lực vũ khí mới, (2) cải cách thể chế và hệ thống để

nâng cao tính chuyên nghiệp và chất lượng của quân nhân Trung Quốc, và (3) phát triển các học thuyết tiến hành chiến tranh mới nhằm ứng dụng của các năng lực mới này.²³ Hiện đại hóa quân sự của Trung Quốc đã được hỗ trợ bởi sự gia tăng đáng kể trong chi tiêu quốc phòng, với việc quân đội Trung Quốc được nhận ngân sách thực tế tăng ở mức hai con số mỗi năm kể từ năm 1997. Ngân sách quốc phòng chính thức năm 2007 xấp xỉ 45 tỷ đô la, nhưng các ước tính bao gồm cả chi tiêu liên quan đến quân sự và chi tiêu ngoài ngân sách cho thấy tổng chi tiêu năm 2007 có thể dao động từ 85 tỉ đô la đến 135 tỷ đô la.²⁴ Nguồn kinh phí gia tăng là do việc chi trả lương cao hơn, mở rộng huấn luyện và cơ sở vật chất, phát triển và mua sắm các vũ khí tiên tiến của Trung Quốc và Nga.

Nhiều hệ thống vũ khí mới mà quân đội Trung Quốc đang mua sắm dường như tập trung chủ yếu vào việc ngăn chặn Đài Loan độc lập và răn đe hoặc trì hoãn sự can thiệp có thể xảy ra của Mỹ. Chúng bao gồm việc phát triển các tên lửa đạn đạo thông thường tầm ngắn và tầm trung chính xác hơn, mua sắm các tàu ngầm lớp Kilo của Nga và các tàu khu trục Sovremenny trang bị tên lửa được thiết kế nhằm mục tiêu là các tàu sân bay Mỹ, và hiện đại hóa kho vũ khí hạt nhân chiến lược của Trung Quốc. Các chiến lược gia quân sự Trung Quốc đang tìm hiểu các chiến thuật như tấn công vào các hệ thống máy tính quân sự của Mỹ và các tài sản trong không gian, coi đó như là phương tiện răn đe hoặc trì hoãn sự xuất hiện của lực lượng quân sự Mỹ trong trường hợp xảy ra một cuộc khủng hoảng ở Đài Loan. Cuộc thử nghiệm của Trung Quốc vào tháng 1 năm 2007 đối với một loại vũ khí chống vệ tinh trực tiếp bắn lên không trung đã cho thấy một khía cạnh của những nỗ lực này. Tới chừng nào mà những “chiến lược chống tiếp cận” này thực sự có thể khiến lực lượng quân sự Mỹ ở Tây Thái Bình Dương gặp nguy hiểm, chúng có thể làm thay đổi nhận thức trong khu vực về cân bằng quyền lực quân sự ở Châu Á.²⁵

Một số năng lực quân sự mới mà Trung Quốc đang phát triển sẽ mở rộng một cách đáng kể khả năng triển khai sức mạnh trong khu vực Châu Á của PLA. Ngoài các năng lực nêu trên, Trung Quốc cũng đang triển khai các tàu chở dầu và công nghệ tiếp liệu trên không để giúp mở rộng phạm vi hoạt động của các máy bay chiến đấu của Trung Quốc. PLA cũng đang mở rộng năng lực của các lực lượng không quân và lưỡng cư có khả năng tiến hành các chiến dịch viễn chinh và đang nỗ lực để nâng cao các năng lực tiếp vận hàng không và đường biển. Các quan chức quân đội Trung Quốc giờ đây công khai thảo luận về việc xây dựng một tàu sân bay, lấy nhu cầu đóng góp cho các hoạt động cứu trợ nhân đạo và bảo vệ các tuyến đường giao thông biển của Trung Quốc làm lý do biện minh.²⁶ Một nghiên cứu gần đây chỉ ra rằng quân đội Trung Quốc đã thực hiện nhiệm vụ triển khai sức mạnh ở một vài khía cạnh nào đó bằng cách giải quyết các khủng hoảng, góp phần vào việc răn đe và tăng cường sự ổn định trong khu vực. Mặc dù việc thiếu các căn cứ ở nước ngoài làm hạn chế khả năng triển khai sức mạnh của PLA, quân đội Trung Quốc cũng đang gia tăng sự “triển khai hiện diện” của mình thông qua các chuyến thăm của tàu hải quân và sự tham gia của PLA trong các cuộc tập trận chung và kết hợp với các quân đội khác.²⁷

Chương trình hiện đại hóa quân sự được đẩy mạnh của Trung Quốc đã đi kèm cùng những nỗ lực để trấn an các nước láng giềng Châu Á rằng một lực lượng quân đội Trung Quốc mạnh hơn sẽ không là mối đe dọa đối với an ninh của họ. Trung Quốc đã tìm cách chứng minh rằng lực lượng quân sự và bán quân sự của nước này có thể đóng góp hữu ích cho an ninh khu vực và toàn cầu, bao gồm việc đẩy mạnh sự tham gia vào các nhiệm vụ gìn giữ hòa bình của Liên Hợp Quốc và các chiến dịch cứu trợ nhân đạo sau thảm họa sóng thần tại Ấn Độ Dương năm 2004 và trận động đất tại Pakistan năm 2005. Trung Quốc cũng đã đề nghị tăng cường hợp tác khu vực về các vấn đề an ninh phi truyền thống. Mặc dù các nguồn lực được cam kết để thực hiện những nhiệm vụ này tương đối khiêm tốn, Trung Quốc sử dụng chúng nhằm thể hiện vai trò mang tính xây dựng của sức mạnh quân sự Trung Quốc. Các sĩ quan quân đội Trung Quốc hiện đang thảo luận cách thức mà họ có thể đóng góp vào các mục tiêu an ninh khu vực bằng cách cung cấp các “hàng hóa công cộng” ví dụ như các biện pháp chống cướp biển, hỗ trợ nhân đạo và cứu trợ thiên tai, và đóng góp vào việc đảm bảo an toàn cho các tuyến đường giao thông trên biển. Rõ ràng Trung Quốc hy vọng việc xác định các cách thức quân đội Trung Quốc có thể đóng góp vào an ninh khu vực sẽ giảm bớt những quan ngại về chi tiêu quân sự và sự gia tăng năng lực triển khai sức mạnh của quốc gia này.

“Quyền lực mềm”

Trái lại với quá trình hiện đại hóa quân sự của Trung Quốc, những nỗ lực của nước này để mở rộng “quyền lực mềm” của mình trong khu vực Châu Á đã không gây nên những quan ngại tương tự. Các thảo luận sau đây tập trung vào sức mạnh mềm theo nghĩa là khả năng của Trung Quốc trong việc thuyết phục những nước khác theo đuổi các mục tiêu và giá trị của mình hoặc bắt chước các hành vi của mình. Một xu hướng quan trọng đang diễn ra là việc gia tăng tiếp xúc giữa các công dân Trung Quốc và người dân ở các nước Châu Á khác. Dòng chảy khách du lịch và sinh viên giữa Trung Quốc và các nước Châu Á khác đã tăng lên đáng kể trong những năm gần đây khi Trung Quốc nới lỏng các hạn chế về đi ra nước ngoài đối với các công dân của mình. Khách du lịch Trung Quốc đã đổ xô đến các khu vực Châu Á, với khoảng bốn triệu lượt khách đến thăm các nước Đông Á khác trong năm 2004.²⁸ Nhiều du khách Trung Quốc đến thăm các nước Châu Á theo các nhóm du lịch, điều không phải luôn luôn để lại ấn tượng tích cực ở quốc gia mà họ ghé thăm. Quan hệ giáo dục giữa Trung Quốc và Châu Á cũng đã tăng lên đáng kể. Trung Quốc đã gửi khoảng 90 nghìn sinh viên đến các nước Đông Á trong năm 2005 và đón hơn 100 nghìn lưu học sinh Đông Á tới học trong năm 2006, trong đó Hàn Quốc và Nhật Bản là những nước gửi nhiều nhất.²⁹ Chính phủ Trung Quốc đã bổ sung cho những trao đổi giáo dục bằng cách hỗ trợ việc thành lập các “Viện Khổng Tử” tại nước ngoài nhằm giảng dạy tiếng Trung và quảng bá nền văn hóa Trung Quốc. Viện Khổng Tử đầu tiên được thành lập vào năm 2004, và hiện tại có hơn 210 viện đặt tại 54 quốc gia.³⁰ Tính đến cuối năm 2007, 6 quốc gia Đông Á và Ấn Độ là

nơi đặt trụ sở của 43 Viện Khổng Tử, với Thái Lan, Hàn Quốc và Nhật Bản mỗi nước có ít nhất 10 viện.³¹

Bên cạnh kinh doanh, du lịch và liên lạc qua sinh viên, chính phủ Trung Quốc cũng tích cực khuyến khích các học giả và chuyên gia Trung Quốc tham gia vào các hội nghị chính sách “Kênh 2” mang tính học thuật và không chính thức ở Châu Á. Phần lớn sự tham dự này diễn ra thông qua các viện nghiên cứu tư vấn chính sách (think tanks) của chính phủ Trung Quốc hoặc các tổ chức phi chính phủ do chính phủ vận hành (Government-Operated NGOs) được tạo ra để tương tác với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài. Chính phủ Trung Quốc đã tìm cách tăng cường liên lạc giữa các think tank Trung Quốc và các đối tác Đông Á, đồng thời phát huy một mức độ kiểm soát nhất định đối với chương trình nghị sự khu vực, bằng cách cung cấp hỗ trợ tài chính và tổ chức cho sự tham gia của các chuyên gia Trung Quốc, đồng thời bảo trợ cho việc thành lập Mạng lưới các think tank Đông Á (NEAT) vào năm 2003. NEAT gồm thành viên đến từ tất cả các nước ASEAN+3. Đại học Ngoại giao Trung Quốc, trực thuộc Bộ Ngoại giao, là điều phối viên chung của NEAT với trách nhiệm điều phối việc hợp tác giữa các think tank của các nước ASEAN + 3 cũng như điều phối hợp tác giữa các think tank nội bộ Trung Quốc. Chương trình nghị sự của NEAT tập trung vào việc tăng cường hợp tác Đông Á và thúc đẩy hội nhập khu vực.³² Các học giả và chuyên gia Trung Quốc ngày càng có các kỹ năng ngôn ngữ và chuyên môn để hoạt động hiệu quả trong các dạng hội nghị như thế này. Tuy nhiên, cảm nhận rằng những đại diện Trung Quốc tham gia thường phát biểu theo quan điểm của chính phủ được duyệt sẵn (talking points) và không thể thể hiện đầy đủ quan điểm cá nhân của mình có lẽ làm hạn chế tầm ảnh hưởng của họ.

Sự hấp dẫn bởi tương đồng về văn hóa và ngôn ngữ có vai trò quan trọng trong giao thiệp với các quốc gia có số lượng Hoa kiều lớn. Malaysia và Indonesia, những nước trước đây nhìn nhận các Hoa kiều với sự hoài nghi, giờ đây đã xem họ như là một tài sản và một lợi thế tương đối trong việc xây dựng quan hệ kinh tế với Trung Quốc. Trung Quốc tìm thấy một số sự đồng cảm ở Đông Nam Á đối với kêu gọi đề cao các "giá trị châu Á" trong nỗ lực chống lại áp lực nhân quyền từ Hoa Kỳ và Châu Âu trong những năm 1990. Sự đa dạng về văn hóa và ngôn ngữ ở Châu Á có thể sẽ làm hạn chế khả năng của Trung Quốc trong việc đề cao "giá trị Nho giáo" chung như là một công cụ ngoại giao của nước này. Rất ít người trong giới tinh hoa châu Á bị thu hút bởi các giá trị Trung Quốc hoặc mong muốn bắt chước hệ thống chính quyền Trung Quốc.

Trong lĩnh vực văn hóa, các nghệ sĩ tài hoa Trung Quốc đang bắt đầu giành được sự thừa nhận trong khu vực và quốc tế. Một số sản phẩm văn hóa Trung Quốc phản ánh văn hóa truyền thống Trung Quốc theo những phương cách cộng hưởng trong khắp khu vực Đông Á, nhưng một số khác lại có sức hấp dẫn khu vực hạn chế hơn do chúng tập trung vào các mối quan tâm trong nước của Trung Quốc, bản chất thiếu sáng tạo hay các rào cản ngôn ngữ. Phim ảnh được cho là ngành xuất khẩu văn hóa thành công nhất của Trung Quốc. Một

số nghệ sĩ như đạo diễn Trương Nghệ Mưu và nữ diễn viên Củng Lợi đã gây dựng được danh tiếng quốc tế dựa trên công việc của họ ở Trung Quốc, nhưng các diễn viên và đạo diễn gốc Trung Quốc thành công nhất (như Thành Long và Lý An) thực ra lại đến từ Hồng Kông hay Đài Loan. Một sự bùng nổ đang diễn ra trong ngành nghệ thuật nghe nhìn của Trung Quốc, nhưng phần lớn các tác phẩm này thiếu sáng tạo gốc và không thiết lập được các xu hướng mới. So với các tác phẩm đang được sản xuất tại các nước Châu Á khác, các sản phẩm văn hóa Trung Quốc đang bị giới hạn bởi thị trường kém phát triển của Trung Quốc, các hạn chế chính trị về nội dung, và sự thiếu vắng việc bảo vệ các quyền sở hữu trí tuệ hiệu quả để đảm bảo rằng sự sáng tạo sẽ được đền đáp xứng đáng. Một số những khó khăn này có thể sẽ giảm bớt khi Trung Quốc trở nên giàu có hơn, nhưng hiện tại các nước Châu Á khác vẫn đang sản xuất các tác phẩm có ảnh hưởng khu vực lớn hơn. Cũng cần lưu ý rằng nhiều trong số các văn nghệ sĩ Trung Quốc thành công nhất đều đạt được danh tiếng của mình bằng các công việc thực hiện bên ngoài Trung Quốc, bao gồm cả người đoạt giải thưởng Nobel Văn học Gao Xingjian.

Các công ty Trung Quốc cũng đã tìm cách xây dựng các thương hiệu được quốc tế công nhận nhưng với thành công hạn chế. Haier (tủ lạnh) và Huawei (bộ định tuyến và các sản phẩm truyền thông) đã đạt nhiều thành công nhất. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp các sản phẩm của Trung Quốc hiện đang cạnh tranh trên cơ sở về giá cả hơn là về chất lượng. Tuy nhiên, nếu hàng hoá đủ rẻ, sản phẩm Trung Quốc vẫn có thể có tác động đáng kể và thúc đẩy một hình ảnh tích cực về Trung Quốc. Ví dụ, xe máy Trung Quốc bán ra với giá bằng khoảng một phần tư so với giá của những chiếc xe sản xuất trong các nhà máy Nhật Bản đặt ở Thái Lan đã trở thành mức giá phải chăng đối với những người dân nghèo ở Lào. Việc được tiếp cận giao thông giúp cứu sống nhiều mạng người theo đúng nghĩa đen và mang lại các cải tiến lớn trong chất lượng cuộc sống cho những người dân sống ở vùng sâu vùng xa của Lào.³³

Nhiều tầng lớp tinh hoa Châu Á nhìn vào sự thành công kinh tế của Trung Quốc với sự đồ sộ và ngưỡng mộ. Tốc độ xây dựng trong các thành phố lớn của Trung Quốc và số lượng của các tòa nhà mới với kiến trúc đầy tham vọng tại Bắc Kinh và Thượng Hải thật đáng kinh ngạc. Bắc Kinh xây dựng một loạt các địa điểm thi đấu và cải tiến cơ sở hạ tầng ấn tượng để hỗ trợ cho Thế vận hội 2008. Chương trình bay vào không gian có người lái của Trung Quốc được các tầng lớp tinh hoa Châu Á nhìn nhận như là một thành tựu công nghệ quan trọng của hệ thống Trung Quốc. Tuy nhiên, những thành tích ấn tượng này hiển nhiên cũng có mặt tối tăm bên cạnh. Tốc độ tăng trưởng chóng mặt của Trung Quốc đã đi kèm với suy thoái môi trường tràn lan, gây tổn hại cho bầu không khí và nguồn nước của Trung Quốc.³⁴ Tăng trưởng nhanh cùng với xây dựng ở các thành phố lớn của Trung Quốc đã phá hủy nhiều đặc điểm riêng biệt nhất của chúng, đồng thời khiến dân nghèo phải chuyển đến các vùng ngoại ô xa xôi với mức bồi thường rất hạn chế. Quy hoạch đô thị nghèo nàn và sự

gia tăng nhanh chóng về số lượng xe ô tô đang làm cho giao thông trở thành cơn ác mộng đối với nhiều thành phố của Trung Quốc.

Một số người tin rằng cách thức Trung Quốc tiếp cận với cải cách nền kinh tế trong khi hạn chế quyền tự do chính trị là đại diện cho một mô hình phát triển mới có sức hấp dẫn đối với các nhà lãnh đạo chuyên chế ở các nước đang phát triển.³⁵ Mô hình phát triển của Trung Quốc thực sự dựa rất nhiều vào các nguyên lý kinh tế chính thống và hưởng lợi từ các yếu tố đặc biệt ví dụ như một thị trường nội địa rộng lớn và nguồn cung ứng lao động dồi dào không dễ dàng có được ở hầu hết các quốc gia khác.³⁶ Các vấn đề trong nước, bất bình đẳng xã hội, suy thoái môi trường, và thi thảng đàn áp chính trị cũng đã hạn chế sức hấp dẫn của Trung Quốc như là một mô hình cho các nước khác noi theo. Trong khu vực châu Á, Việt Nam bị ảnh hưởng rõ ràng bởi cách tiếp cận của Trung Quốc đối với phát triển kinh tế, nhưng quốc gia mà các nhà lãnh đạo Trung Quốc đã nỗ lực nhất để gây ảnh hưởng là Bắc Triều Tiên lại tỏ ra miễn cưỡng không chấp nhận kiểu mở cửa của Trung Quốc. Sự tăng trưởng chậm lại hay những sự kiện chính trị lớn sẽ làm nổi bật nhược điểm của mô hình Trung Quốc và làm giảm đáng kể khả năng của Trung Quốc trong việc sử dụng quyền lực mềm như một công cụ ngoại giao.

Đánh giá chiến lược Châu Á của Trung Quốc

Những nỗ lực của Trung Quốc nhằm bảo đảm cho mục đích ôn hòa của mình đã có những tác động đáng kể, nhưng các nước châu Á vẫn còn có rất nhiều mối quan tâm. Một số quốc gia Đông Nam Á đang tích cực khuyến khích Hoa Kỳ, Nhật Bản, và Ấn Độ nắm giữ vai trò nổi bật hơn trong các vấn đề khu vực nhằm cân bằng với ảnh hưởng của Trung Quốc. Các chính phủ Châu Á đã quyết định xem Trung Quốc như là một cơ hội kinh tế, nhưng các doanh nhân Đông Nam Á coi sự cạnh tranh từ hàng xuất khẩu Trung Quốc như một thách thức nghiêm trọng, và các doanh nhân Hàn Quốc và Nhật Bản lo ngại rằng các doanh nghiệp Trung Quốc có thể nhanh chóng leo cao trên bậc thang công nghệ để cạnh tranh với họ trong lĩnh vực xuất khẩu hàng hóa công nghệ cao. Các nước Châu Á đã hoan nghênh sự tham gia của Trung Quốc trong các tổ chức đa phương, nhưng hành vi của Bắc Kinh trong các diễn đàn khu vực lại pha trộn nhiều chiều hướng. Trong cuộc đàm phán với các nước ASEAN về Hiệp định Thương mại Tự do Trung Quốc - ASEAN, Trung Quốc để các nước ASEAN tự xác định mức độ mong muốn của họ đối với phạm vi và tiến độ thực hiện các cam kết tự do hóa thương mại. Thỏa thuận đạt được khá pha trộn, nhưng các nước ASEAN đã hài lòng với nỗ lực của Bắc Kinh trong việc chiều theo mối quan tâm của họ. Một nhà ngoại giao Đông Nam Á ghi nhận rằng Trung Quốc đã sẵn sàng điều chỉnh các đề nghị của mình để phục vụ hợp tác khu vực nhằm xây dựng sự đồng thuận, trì hoãn các vấn đề gây tranh cãi hoặc làm chậm lại những đề xuất vốn đi quá nhanh khiến ASEAN cảm thấy không thoải mái.³⁷

Trong các lĩnh vực khác, hành vi của Trung Quốc ít thỏa hiệp hơn. Các quan chức Châu Á và các nhà phân tích an ninh ca ngợi thiện chí của Bắc Kinh trong việc hợp tác và trì hoãn việc giải quyết các tranh chấp lãnh thổ trên biển cũng như vấn đề chủ quyền nhưng cũng lưu ý rằng Trung Quốc đã không sẵn sàng đưa ra các nhượng bộ đáng kể trên hầu hết các vấn đề. Trung Quốc đã đồng ý tham gia vào một tổ chức tiểu khu vực để giải quyết các vấn đề sông Mekong nhưng nhìn chung không đáp ứng mối quan tâm của các nước hạ nguồn bị ảnh hưởng tiêu cực do các con đập mà Trung Quốc xây dựng.³⁸ Sự phản hồi của Bắc Kinh với mối lo ngại của các nước Châu Á về vấn đề an toàn của thực phẩm và các sản phẩm cũng khác nhau. Trung Quốc đã nhanh chóng thu hồi bất kỳ loại thực phẩm thiếu an toàn nào ra khỏi thị trường Nhật Bản nhưng được cho là đã phân bác các nỗ lực của Indonesia trong việc áp dụng các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm trong nước đối với hàng nhập khẩu từ Trung Quốc.³⁹ Trung Quốc đã theo đuổi các dự án khai thác năng lượng chung với Philippines và Việt Nam ở quần đảo Trường Sa, vi phạm tinh thần trong cam kết giải quyết vấn đề yêu sách chủ quyền một cách đa phương, và đã thúc đẩy các yêu sách đối với quần đảo Trường Sa của mình trong các cuộc gặp song phương với một số nước ASEAN. Các biện pháp xây dựng lòng tin của quân đội Trung Quốc đã trấn an được một số người còn hoài nghi, nhưng những người khác lưu ý rằng Bắc Kinh chỉ cung cấp những thông tin hạn chế về năng lực quân sự của mình và đã từ chối thảo luận về các vấn đề an ninh quan trọng nhất (ví dụ như vấn đề Đài Loan) trong các dàn xếp đa phương.

Chiến lược an ninh khu vực của Trung Quốc phụ thuộc vào việc gia tăng tầm ảnh hưởng của Trung Quốc mà không làm nước Mỹ bất an. Các quan chức Trung Quốc đã có những nỗ lực có chủ ý để trấn an Hoa Kỳ rằng Bắc Kinh thừa nhận lợi ích của Mỹ ở Châu Á và nước này không có ý định đẩy Mỹ ra khỏi khu vực. Bắc Kinh đã không lặp lại chiến dịch năm 1997 nhằm buộc các đồng minh của Mỹ ở châu Á từ bỏ liên minh với Washington. Sự hợp tác của Trung Quốc về chống khủng bố và vai trò quan trọng của nước này trong những nỗ lực thuyết phục Bắc Triều Tiên từ bỏ chương trình vũ khí hạt nhân đã mang lại những hợp tác an ninh tích cực, giúp giảm bớt các mối quan ngại của Hoa Kỳ. Tuy nhiên, các quan chức Mỹ vẫn tỏ ra thận trọng trước những nỗ lực của Trung Quốc để cải thiện quan hệ an ninh với các đồng minh của Mỹ và đã lưu ý về việc Trung Quốc rõ ràng ưu tiên hơn đối với những tổ chức khu vực như SCO và Hội nghị Thượng đỉnh Đông Á, nơi mà Hoa Kỳ không phải là thành viên. Các quan chức và các nhà phân tích Mỹ cũng đang chú ý tới những nỗ lực hiện đại hóa quân đội của Trung Quốc; việc Trung Quốc đã thử nghiệm vũ khí chống vệ tinh phóng trực tiếp (ASAT) vào tháng 1 năm 2007 đã gây ra một cuộc tranh luận căng thẳng ở Mỹ và các nơi khác về ý đồ chiến lược của Trung Quốc trong vũ trụ.⁴⁰ Mối bận tâm với Iraq và Afghanistan đã khiến Mỹ bị phân tâm khỏi các nỗ lực gia tăng ảnh hưởng của Trung Quốc ở Châu Á, nhưng những mối quan ngại này vẫn chưa biến mất. Các quan chức Nhật Bản chia sẻ mối quan ngại tương tự về ảnh hưởng khu vực của Trung Quốc cũng như những nỗ lực hiện đại hóa quân sự của quốc gia này, điều đã trở thành một yếu tố gây suy giảm quan hệ Trung-Nhật.

Các quan điểm lý thuyết về hành vi quốc tế của Trung Quốc

Các đánh giá trên đây đã tập trung chủ yếu vào những nỗ lực của Trung Quốc nhằm gia tăng sức mạnh và ảnh hưởng trong khu vực mà không làm mất lòng nước Mỹ hoặc đe dọa các nước láng giềng. Chính sách của Trung Quốc cho đến nay đã gặt hái được những thành công đáng kể nhưng quốc gia này không xoa dịu được những quan ngại về việc một Trung Quốc mạnh hơn có thể sẽ cư xử như thế nào trong tương lai. Các lăng kính lý thuyết khác nhau cung cấp các cách giải thích khác nhau về hành vi gần đây của Trung Quốc và mang lại những dự đoán tương phản nhau về cách thức Trung Quốc sẽ cư xử ra sao trong tương lai.

Một quan điểm hiện thực truyền thống sẽ nhấn mạnh vào những nỗ lực liên tiếp của Trung Quốc trong việc xây dựng năng lực quân sự và sức mạnh quốc gia tổng hợp nhằm làm tăng khả năng dài hạn của nó trong việc định hình Châu Á theo hướng phù hợp với lợi ích của mình. Quan điểm này nhấn mạnh vào những hạn chế về tính minh bạch quân sự của Trung Quốc và những nỗ lực của Bắc Kinh để giữ những vấn đề an ninh “cứng” quan trọng (ví dụ như vấn đề Đài Loan, gia tăng chi tiêu quân sự, và hiện đại hóa lực lượng hạt nhân) ra ngoài các diễn đàn an ninh đa phương. Phương pháp tiếp cận an ninh hợp tác theo khái niệm an ninh mới có thể hữu ích cho việc giải quyết các vấn đề an ninh phi truyền thống như cướp biển nhưng có tác dụng hạn chế trong việc giải quyết tranh chấp lãnh thổ một mất một còn hoặc các xung đột nghiêm trọng liên quan đến lợi ích. Các liên minh của Mỹ ở Châu Á vẫn đóng vai trò quan trọng đối với lợi ích khu vực của Mỹ và đối với an ninh của các đồng minh của Mỹ. Trung Quốc đã không lặp lại chiến dịch ngoại giao năm 1997-1998 để chống lại các liên minh của Mỹ ở Châu Á nhưng đã làm rõ rằng, mặc dù nước này phản đối các liên minh an ninh của Mỹ ở Châu Á trên nguyên tắc, nhưng trong thực tế quốc gia này thừa nhận rằng các liên minh này cũng đã có một số đóng góp cho an ninh khu vực. Trung Quốc đã tìm cách cải thiện quan hệ song phương (bao gồm cả hợp tác an ninh song phương) với các đồng minh của Mỹ như Philippines và Thái Lan để cố gắng đảm bảo rằng các liên minh của Hoa Kỳ sẽ không trở thành các mối đe dọa chống lại Trung Quốc. Từ quan điểm của chủ nghĩa hiện thực, Trung Quốc đã trì hoãn các tranh chấp chủ quyền và chấp nhận các liên minh an ninh của Mỹ ở Châu Á vì Trung Quốc thiếu sức mạnh để giải quyết những vấn đề trên theo hướng có lợi cho mình. Sự gia tăng sức mạnh tương đối của Trung Quốc có thể dẫn đến các hành vi hiếu chiến hơn trong tương lai. Các nhà hiện thực thừa nhận tầm quan trọng của việc tăng cường các mối quan hệ kinh tế trong khu vực nhưng có xu hướng nhìn nhận chúng như những nỗ lực của Trung Quốc nhằm tạo ra ảnh hưởng chính trị bằng cách làm cho các đối tác thương mại của nước này phải phụ thuộc vào thị trường Trung Quốc. Một quan điểm hiện thực sẽ nhấn mạnh sự miễn cưỡng tiếp tục của Trung Quốc trong việc chấp nhận các hạn chế ràng buộc đối với việc thực thi quyền lực ở Châu Á, do vậy sẽ hoài nghi về cách thức một Trung Quốc mạnh hơn sẽ cư xử ra sao trong tương lai.

Một quan điểm theo trường phái thể chế tự do sẽ nhấn mạnh những cách thức mà tư cách thành viên của Trung Quốc trong các tổ chức quốc tế và các ràng buộc của tình trạng

phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế sẽ giúp hình thành nhận thức về lợi ích của Trung Quốc và hạn chế các con đường mà Bắc Kinh lựa chọn để theo đuổi những lợi ích này. Nhìn chung, quan điểm này coi sự can dự tích cực hơn của Trung Quốc trong khu vực sẽ làm tăng chi phí của việc sử dụng lực lượng và khuyến khích Trung Quốc cư xử một cách hòa bình khi xung đột lợi ích phát sinh. Các lợi ích chung như ổn định khu vực và nhu cầu hợp tác quốc tế để xử lý các vấn đề an ninh phi truyền thống giải thích cho sự sẵn sàng lớn hơn của Trung Quốc trong việc hợp tác thông qua các tổ chức khu vực. Quan điểm này nhìn nhận những nỗ lực của Trung Quốc nhằm định hình các quy tắc và chuẩn mực quốc tế, là bằng chứng cho thấy cuối cùng Trung Quốc sẽ sẵn sàng tuân thủ các luật chơi quốc tế. Quan điểm này nhấn mạnh rằng tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc đang được thực hiện thông qua sự hợp tác quốc tế cũng như tham gia vào nền kinh tế toàn cầu sâu rộng hơn. Với việc Trung Quốc gia tăng sức mạnh, những ràng buộc đối với ứng xử quốc tế và chi phí cho việc sử dụng lực lượng cũng sẽ tiếp tục tăng. Do đó quan điểm này tương đối lạc quan, cho rằng một Trung Quốc mạnh hơn sẽ tiếp tục cư xử một cách kiềm chế.

Một góc nhìn theo trường phái tự do cổ điển sẽ tập trung vào bản chất chế độ của Trung Quốc và các tác động của chúng đến hành vi ứng xử trong tương lai của nước này. Từ góc nhìn này, nhiều mối quan ngại hiện nay về hành vi ứng xử quốc tế của Trung Quốc bắt nguồn từ bản chất chuyên chế của chính phủ Trung Quốc, vốn coi trọng quá mức các mối quan tâm về quân sự và chủ quyền, đồng thời dẫn tới các quy trình đưa ra quyết định và quản lý khủng hoảng làm gia tăng cơ hội xuất hiện xung đột quân sự. Dân chủ hay tự do hóa chính trị ở Trung Quốc có thể giúp giải quyết một số yếu tố này trong dài hạn, nhưng sự miễn cưỡng của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong việc thực hiện các cải cách chính trị thực sự chính là một nguyên nhân quan trọng dẫn đến quan ngại về một Trung Quốc mạnh hơn sẽ cư xử ra sao trong tương lai. Một cách tiếp cận liên quan là xem xét Trung Quốc từ góc nhìn của khuôn khổ lý thuyết trò chơi hai cấp độ được phát triển bởi Robert Putnam, như David Shambaugh đã thể hiện trong chương của ông trong cuốn sách này.⁴¹ Cách tiếp cận này cho thấy những nỗ lực của Bắc Kinh nhằm cân bằng các cân nhắc trong nước và quốc tế trong việc hoạch định chính sách và xử lý khả năng các diễn biến quốc tế (ví dụ như khả năng Đài Loan độc lập hoặc một cú sốc về dầu lửa) có thể làm phát sinh một cuộc khủng hoảng chính trị đe dọa sự sống còn của chế độ. Điều này không chỉ thể hiện khía cạnh đầy tính toán của các hành vi ứng xử Trung Quốc mà còn nhấn mạnh những quan ngại rằng chủ nghĩa dân tộc và sự hiện diện hạn chế của giới doanh nghiệp có thể làm giảm phạm vi có thể đạt được thỏa thuận trong các cuộc đàm phán quốc tế và dẫn đến những hành động hiếu chiến trong tương lai. Thực tiễn ngoại giao Trung Quốc trong thập kỷ qua không có nhiều ví dụ về các hành động hiếu chiến, nhưng điều này có thể là do hành động trì hoãn của Trung Quốc đối với các vấn đề gây tranh cãi như tranh chấp chủ quyền biển đảo bởi vì quốc gia này thiếu sức mạnh để đạt được các mục tiêu của mình và không thể thỏa hiệp do những ràng buộc trong nước.

Cuối cùng, một quan điểm kiến tạo sẽ nêu bật những tiềm năng mà các quy chuẩn, yếu tố văn hóa, bản sắc, và sự tương tác lẫn nhau sẽ hạn chế các hành vi của Trung Quốc trong tương lai.⁴² Quan điểm này sẽ coi trọng hơn các nguyên tắc được nêu trong chính sách đối ngoại Trung Quốc như là những chỉ dấu cho thấy ý đồ thực sự của nước này. Một số học giả nhìn nhận sự tương đồng giữa khái niệm an ninh mới của Trung Quốc và các nguyên tắc không can thiệp của ASEAN như là bằng chứng cho sự hội tụ về quy chuẩn ngày càng cao giữa Trung Quốc và ASEAN, điều vốn có thể làm cơ sở cho một trật tự an ninh khu vực rộng lớn hơn.⁴³ Từ quan điểm này, nỗ lực của các quốc gia Châu Á khác trong việc can dự với Trung Quốc và sự tham gia ngày càng lớn của Trung Quốc trong các vấn đề quốc tế và các tổ chức đa phương đã dẫn đến những thay đổi đáng kể và thực sự trong các ưu tiên chính sách ngoại giao của Trung Quốc, cho thấy một Trung Quốc mạnh hơn và ít bị hạn chế hơn bởi môi trường quốc tế vẫn có thể cư xử một cách chừng mực. Các quan điểm kiến tạo khác tập trung hơn vào văn hóa chiến lược mang tính hiện thực chủ nghĩa của Trung Quốc và ít lạc quan hơn về khả năng một Trung Quốc mạnh hơn sẽ hành xử kiềm chế.⁴⁴ Những dự đoán theo quan điểm kiến tạo chủ yếu dựa vào các giả định về những nhân tố văn hóa và bản sắc Trung Quốc nào sẽ quan trọng hơn cả trong việc giải thích hành vi ứng xử quốc tế của Trung Quốc.

Kết luận

Các biến thể khác nhau của lý thuyết quan hệ quốc tế có thể giải thích một vài khía cạnh của những hành vi gần đây của Trung Quốc, nhưng không một lý thuyết độc nhất nào cung cấp một lời giải thích hoàn thiện. Một mô hình thuyết phục cho việc hoạch định chính sách đối ngoại của Trung Quốc cần tích hợp cả các biến số quốc tế lẫn trong nước để giải thích cho các quyết định chính sách đối ngoại cụ thể của Trung Quốc. Lý thuyết quan hệ quốc tế rất có ích trong việc xác định các yếu tố có thể ảnh hưởng đến cách một Trung Quốc mạnh hơn và ít bị hạn chế hơn có thể cư xử trong tương lai. Tuy nhiên, mỗi lý thuyết xác định các yếu tố quan trọng đó một cách khác nhau, điều này nêu bật sự cần thiết phải có một đánh giá mang tính phân tích nhằm quyết định các yếu tố nào là quan trọng nhất và đâu là lý thuyết có sức thuyết phục nhất trong việc làm sáng tỏ các hành vi ứng xử trong tương lai của Trung Quốc ở Châu Á.

Một cách suy nghĩ hữu ích về các khả năng trong tương lai là xem xét các hậu quả có thể xảy ra nếu các xu hướng hiện tại vẫn tiếp diễn cũng như các diễn biến tiềm tàng có thể thay đổi hoặc đảo ngược những xu hướng đó. Các nhà lãnh đạo chính trị Trung Quốc phải tiếp tục quản lý một loạt các thách thức trong nước đầy khó khăn để duy trì sự ổn định và hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Tăng trưởng cung cấp cho chính quyền trung ương nguồn lực bổ sung dồi dào nhưng cũng làm trầm trọng thêm các vấn đề như ô nhiễm môi trường, bất bình đẳng, và mất an ninh năng lượng. Tăng trưởng nhanh chóng của Trung Quốc đang làm gia tăng trao đổi thương mại với Châu Á, Mỹ và Châu Âu, và mang lại các nguồn lực cho phép

Trung Quốc hiện đại hóa quân sự và giúp tạo ra công ăn việc làm và nâng cao chất lượng sống, góp phần ổn định xã hội. Nếu xu hướng này tiếp tục, ảnh hưởng chính trị của Trung Quốc ở Châu Á có khả năng gia tăng. Tuy nhiên, Trung Quốc cũng sẽ trải nghiệm những va chạm kinh tế nhiều hơn với Hoa Kỳ và các nước Châu Á khác như Nhật Bản và Hàn Quốc, nơi các ngành công nghiệp quan trọng về chính trị đã bắt đầu phàn nàn về sự cạnh tranh không lành mạnh từ các công ty Trung Quốc. Nhu cầu nhập khẩu năng lượng và hàng hóa cơ bản cho nền kinh tế Trung Quốc cũng có thể kích thích sự cạnh tranh với các nước Châu Á khác. Nếu hiện đại hóa quân sự của Trung Quốc vẫn tiếp tục trên con đường hiện tại, thế đứng của Bắc Kinh trước Đài Loan có thể mạnh lên một cách đáng kể, nhưng cái giá phải trả là sự căng thẳng với Hoa Kỳ, Nhật Bản và một số nước Đông Nam Á khi mà các năng lực quân sự của Trung Quốc gia tăng. Những nỗ lực để trấn an các nước láng giềng có thể sẽ tiếp tục, đặc biệt là thông qua sự gia tăng các cuộc tập trận với các quân đội Châu Á và tăng cường hợp tác về các vấn đề an ninh phi truyền thống. Quyết định của Trung Quốc trong việc sở hữu một tàu sân bay sẽ được nhìn nhận như là một sự kiện hết sức quan trọng, thậm chí kể cả khi Bắc Kinh biện minh cho việc này như là một biện pháp nhằm giải quyết các vấn đề an ninh phi truyền thống. Để có thể tiếp tục các thành công về ngoại giao, Bắc Kinh cần phải theo đuổi các sáng kiến trong khu vực một cách tích cực trong khi phải thực hiện kiểm chế quân sự và trì hoãn các vấn đề gây tranh cãi để lại cho tương lai. Một Trung Quốc tự tin hơn nhiều khả năng sẽ tiếp tục tập trung vào các cách tiếp cận mang tính hợp tác và các mục tiêu khu vực dài hạn. Một câu hỏi quan trọng là liệu Trung Quốc có vẫn tiếp tục theo đuổi một tiến trình ôn hòa hay không nếu những vấn đề như tranh chấp chủ quyền hay an ninh năng lượng bắt buộc bị đưa vào chương trình nghị sự khu vực.

Một số những diễn tiến trong nước và khu vực có thể làm thay đổi quỹ đạo các chính sách Châu Á của Trung Quốc. Tình trạng bất ổn nội bộ nghiêm trọng có thể dẫn đến một cuộc đàn áp trong nước, điều đó sẽ làm tổn hại danh tiếng của Trung Quốc trong khu vực và làm tăng thêm mối quan ngại về hành vi ứng xử quốc tế của Trung Quốc. Một cuộc khủng hoảng kinh tế trong nước có thể khiến các nhà lãnh đạo Trung Quốc tập trung vào việc khôi phục tăng trưởng và tìm cách tăng xuất khẩu để thoát ra khỏi khủng hoảng, bất kể việc đó có thể gây nên những tác động tiêu cực đối với các nước láng giềng. Một cuộc suy thoái kinh tế khu vực hoặc toàn cầu cũng có thể gây ra những kết quả tương tự, mặc dù những tác động tiêu cực đến mối quan hệ của Trung Quốc với các nước láng giềng có thể sẽ lớn hơn. Các vấn đề an ninh khu vực cũng có thể tạo ra những thay đổi trong chính sách của Trung Quốc. Sự sụp đổ của Bắc Triều Tiên hay một cuộc xung đột quân sự được gây nên bởi tham vọng vũ khí hạt nhân của Bình Nhưỡng có thể dẫn đến những hành động quyết đoán của Trung Quốc nhằm kiểm soát tình hình, điều có thể làm gia tăng xung đột với Seoul, Tokyo và Washington. Bất chấp những nỗ lực của Trung Quốc nhằm tô vẽ Đài Loan như một "vấn đề nội địa" khác biệt với cách tiếp cận của nước này đối với các mối quan tâm về an ninh quốc tế, các nước Châu Á vẫn coi cách tiếp cận của Bắc Kinh đối với Đài Loan như một phép thử đối với hành vi của Trung Quốc. Một quyết định sử dụng vũ lực chống lại Đài Loan sẽ đánh

động các quốc gia Đông Á và có thể phá hủy nhiều thành tựu đã đạt được trong chiến dịch trấn an các nước láng giềng cả thập kỷ qua của Bắc Kinh.

Cuối cùng, sự cạnh tranh tăng cao giữa Trung Quốc và Nhật Bản có thể làm đẩy lên những căng thẳng song phương và có khả năng phá vỡ hợp tác kinh tế và xu hướng hợp tác khu vực lớn hơn trong vùng. Chính phủ hai nước đều tìm cách ổn định quan hệ, nhưng sự cạnh tranh nhằm giành vị thế lãnh đạo khu vực hoặc một sự cố an ninh về tài nguyên hoặc tranh chấp lãnh thổ ở biển Hoa Đông có thể làm thay đổi động lực của các mối quan hệ theo chiều hướng tiêu cực.

Trong thời kỳ cải cách, Trung Quốc đã tìm cách duy trì một môi trường quốc tế ổn định, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế liên tục và có thể giúp duy trì sự ổn định trong nước, gây dựng sự giàu có và sức mạnh quốc gia, đồng thời mở rộng ảnh hưởng quốc tế. Những nguyên tắc này cũng đã định hướng cho chính sách Châu Á của Trung Quốc, vốn nhấn mạnh sự cần thiết phải tránh đối đầu với Mỹ và trấn an các nước Châu Á rằng một Trung Quốc mạnh hơn sẽ không đe dọa đến lợi ích của họ. Chính sách của Trung Quốc đã có những thành công đáng kể trong việc giữ gìn một môi trường khu vực ổn định và thuyết phục các nước láng giềng nhìn nhận Trung Quốc như một cơ hội chứ không phải một mối đe dọa. Mặc dù Trung Quốc đã có những hành vi kiểm chế và mang tính xây dựng trong thập kỷ qua, những mối quan ngại đáng kể vẫn còn đó về việc một Trung Quốc mạnh hơn và ít bị kiểm chế hơn sẽ cư xử ra sao trong tương lai. Đây là mối quan tâm lớn, đặc biệt là ở Hoa Kỳ và Nhật Bản, hai trong số những quốc gia mạnh nhất trong khu vực Châu Á-Thái Bình Dương. Những điều chưa chắc này cùng vai trò ngày càng lớn mạnh của Trung Quốc trong việc định hình tương lai của Châu Á đảm bảo rằng cuộc tranh luận về cách một Trung Quốc mạnh hơn sẽ ứng xử ra sao trong tương lai sẽ vẫn là một vấn đề gây tranh cãi tại cả Mỹ và Châu Á.

Ghi chú

1. Suisheng Zhao, ed., *Chinese Foreign Policy: Pragmatism and Strategic Behavior* (Armonk, N.Y.: M. E. Sharpe, 2004); Robert Sutter, *China's Rise in Asia: Promises and Perils* (New York: Rowman & Littlefield, 2005); Evelyn Goh, ed., *Between and Between: Southeast Asian Strategic Relations with the U.S. and China* (Singapore: Institute of Defence and Strategic Studies, 2005); David Shambaugh, ed., *Power Shift: China and Asia's New Dynamics* (Berkeley: University of California Press, 2006); Michael A. Glosny, "Heading toward a Win-Win Future?: Recent Developments in China's Policy towards Southeast Asia," *Asian Security* 2, no. 1 (2006): 24–57; Bronson Percival, *The Dragon Looks South: China and Southeast Asia in the New Century* (Westport, Conn.: Praeger Security International, 2007); and Evelyn Goh and Sheldon W. Simon, eds., *China, the United States, and Southeast Asia: Contending Perspectives on Politics, Security, and Economics* (New York: Routledge, 2008).
2. Sutter, *China's Rise in Asia*, 9–10.

3. Để biết các đánh giá về chiến lược của Trung Quốc, xem Michael D. Swaine & Ashley J. Tellis, *Interpreting China's Grand Strategy: Past Present and Future* (Washington, D.C.: RAND, 2000); và Avery Goldstein, *Rising to the Challenge: China's Grand Strategy and International Security* (Stanford, Calif.: Stanford University Press, 2005).
4. Erica Strecker Downs & Phillip C. Saunders, "Legitimacy and the Limits of Nationalism: China and the Diaoyu Islands," *International Security* 23, no. 3 (Winter 1998/1999): 114–146.
5. United Nations Comtrade database; MOFCOM/SAFE MOFCOM & National Statistic Bureau, "2005 Niandu Zhongguo Duiwai zhijie touzi tongji gongbao," October 2006, hzs.mofcom.gov.cn/aarticle/date/200609/20060903095437.html. Đối với dịch tiếng Anh, xem Open Source Center, "2005 Statistical Bulletin of China's Outward Foreign Direct Investment," CPP20070419308001.
6. David Barboza, "Made in China' Labels Don't Tell Whole Story," *International Herald Tribune*, February 9, 2006.
7. World Bank, "Key Development Data & Statistics," có tại www.worldbank.org/. Tỷ lệ của Đông Á trong GDP toàn cầu dựa trên sức mua so ngang giá ước tính năm 2005 trong World Bank, *2007 World Development Indicators* (Washington, D.C.: World Bank, 2007), 185.
8. Sutter, *China's Rise in Asia*; Marvin C. Ott, "Southeast Asian Security Challenges: America's Response?" *Strategic Forum*, no. 222 (October 2006), www.ndu.edu/inss/strforum/SF222/SF222.pdf (truy cập January 15, 2008).
9. Về cách các nhà lãnh đạo Trung Quốc tiến đến nhận định này như thế nào, xem David Shambaugh, "China Engages Asia: Reshaping the Regional Order," *International Security* 29, no. 3 (2004–2005): 64–99; và Yong Deng, "Reputation and the Security Dilemma: China Reacts to the China Threat Theory," in *New Directions in the Study of China's Foreign Policy*, ed. Alastair Iain Johnston & Robert S. Ross (Stanford, Calif.: Stanford University Press, 2006), 186–214.
10. Michael T. Klare, "The Next Great Arms Race," *Foreign Affairs* 72, no. 3 (May/June 1993): 136–152; Denny Roy, "Hegemon on the Horizon? China's Threat to East Asian Security," *International Security* 19, no.1 (Summer 1994): 149–168; và Richard Bernstein & Ross H. Munro, *The Coming Conflict with China* (New York: Alfred A. Knopf, 1997). Để tham khảo một cuộc khảo sát về quan điểm và chiến lược khu vực, xem Alastair Iain Johnston & Robert S. Ross, eds., *Engaging China: The Management of an Emerging Power* (New York: Routledge, 1999).
11. Evan S. Medeiros & M. Taylor Fravel, "China's New Diplomacy," *Foreign Affairs* 82, no. 6 (2003): 22–35.
12. David M. Finkelstein, "China's New Security Concept: Reading between the Lines," *Washington Journal of Modern China* 5, no. 1 (1999): 37–50.
13. Mười thành viên tổ chức ASEAN là Brunei, Campuchia, Indonesia, Lào, Malaysia, Myanmar (Burma), Philipin, Singapore, Thái Lan, và Việt Nam.
14. Về vai trò của các tổ chức đa phương trong việc hợp pháp hóa và hạn chế quyền lực, xem John Gerard Ruggie, ed., *Multilateralism Matters* (New York: Columbia University Press, 1993); and G. John Ikenberry, "Institutions, Strategic Restraint, and the

- Persistence of American Postwar Order,” *International Security* 23, no. 3 (Winter 1998/1999): 43–78. Về sự thay đổi thái độ và tăng cường tham gia vào các thể chế của Trung Quốc, xem Elizabeth Economy & Michel Oksenberg, eds., *China Joins the World: Progress and Prospects* (New York: Council on Foreign Relations, 1999); Alastair Iain Johnston, “Socialization in International Institutions: The ASEAN Way and International Relations Theory,” in *International Relations Theory and the Asia-Pacific*, ed. G. John Ikenberry & Michael Mastanduno (New York: Columbia University Press, 2003), 107–162; và Bates Gill, *Rising Star: China’s New Security Diplomacy* (Washington, D.C.: Brookings Institution, 2007).
15. Xem Marc Lanteigne, *China’s Engagement with International Institutions: Alternate Paths to Global Power* (New York: Routledge, 2005); và Guoguang Wu & Helen Lansdowne, eds., *China Turns to Multilateralism: Foreign Policy and Regional Security* (New York: Routledge, 2008).
 16. Tranh chấp biên giới với Ấn Độ là tranh chấp biên giới đất liền quan trọng nhất vẫn chưa được giải quyết.
 17. M. Taylor Fravel, “Regime Insecurity and International Cooperation: Explaining China’s Compromises in Territorial Disputes,” *International Security* 30, no. 2 (Fall 2005): 46–83.
 18. Information Office of the State Council of the People’s Republic of China, “China’s National Defense in 2006,” December 2006; Xinhua, “First Chinese UN Peacekeeping Force Commander Takes Office,” September 18, 2007; tất cả có tại www.xinhuanet.com.
 19. “China Moves on Free Trade Negotiations,” *Asia Pulse*, March 8, 2005.
 20. Tỷ lệ được tính toán từ số liệu thống kê xuất khẩu của Trung Quốc được báo cáo trong Cơ sở dữ liệu Comtrade của Liên Hợp Quốc.
 21. John W. Garver, “Development of China’s Overland Transportation Links with Central, Southwest and South Asia,” *China Quarterly*, no. 185 (March 2006): 1–22; Phillip C. Saunders, *China’s Global Activism: Strategy, Drivers, and Tools* (Washington, D.C.: National Defense University Press, 2006), www.ndu.edu/inss/Occasional_Papers/OCP4.pdf (truy cập January 15, 2008).
 22. Hai nghiên cứu quan trọng gần đây về quân sự của Trung Quốc là David Shambaugh, *Modernizing China’s Military: Progress, Problems, and Prospects* (Berkeley: University of California Press, 2004); và Dennis J. Blasko, *The Chinese Army Today: Tradition and Transformation for the 21st Century* (New York: Routledge, 2006).
 23. David M. Finkelstein, “China’s National Military Strategy: An Overview of the ‘Military Strategic Guidelines,’” in *Right-Sizing the People’s Liberation Army: Exploring the Contours of China’s Military*, ed. Roy Kamphausen & Andrew Scobell (Carlisle, Penn.: Strategic Studies Institute, 2007), 70–72.
 24. Văn phòng Bộ trưởng Bộ Quốc Phòng, *Military Power of the People’s Republic of China, 2007*, Annual Report to Congress, 25, available at www.defenselink.mil/pubs/china.html. Các con số cao hơn là ước tính của DIA về tổng chi tiêu liên quan đến quốc phòng của Trung Quốc.
 25. Về đánh giá các chiến lược chống tiếp cận của Trung Quốc và tác động của nó, xem Roger

- Cliff, Mark Burles, Michael S. Chase, Derek Eaton, & Kevin L. Pollpeter, *Entering the Dragon's Lair: Chinese Antiaccess Strategies and Their Implications for the United States* (Arlington, Va.: Rand Corporation, 2007).
26. Văn phòng Bộ trưởng Bộ Quốc Phòng, *Military Power of the People's Republic of China, 2007*.
 27. Roy D. Kamphausen & Justin Liang, "PLA Power Projection: Current Realities and Emerging Trends," in *Assessing the Threat: The Chinese Military and Taiwan's Security*, ed. Michael D. Swaine, Andrew N. D. Yang, & Evan Medeiros (Washington, D.C.: Carnegie Endowment for International Peace, 2007), 111–150.
 28. Báo cáo đặc biệt CLSA, *Chinese Tourists Coming, Ready or Not!* (New York: CLSA, 2005), 37.
 29. Các con số sinh viên Trung Quốc ra nước ngoài học năm 2005 lấy từ Viện Thống kê của UNESCO, stats.uis.unesco.org/unesco/TableViewer/document.aspx?ReportId=143&IF_Language=eng; các con số sinh viên Đông Á học tại Trung Quốc năm 2006 lấy từ *China's Foreign Affairs, 2007* (Beijing: World Affairs Press, 2007), bảng 10.
 30. Xinhua, "Confucius Institutes Welcome Sponsorship, Says Chinese Official," *People's Daily Online*, June 24, 2007, english.peopledaily.com.cn/200706/24/eng20070624_387191.html (truy cập January 16, 2008).
 31. Office of Chinese Language Council International, "Confucius Institutes: Asia," www.hanban.org/cn_hanban/kzxy_list.php?state1=Asia (truy cập January 18, 2008).
 32. Network of East Asian Think-Tanks, "About Us," www.neat.org.cn/english/Gywm/index.php?topic_id=001002 (truy cập January, 18, 2008).
 33. Thomas Fuller, "Made in China: Cheap Products Change Lives," *New York Times*, December 27, 2007.
 34. Xem Elizabeth C. Economy, *The River Runs Black* (Ithaca, N.Y.: Cornell University Press, 2004).
 35. Joshua Cooper Ramos, *The Beijing Consensus* (London: Foreign Policy Centre, 2004), fpc.org.uk/fsblob/244.pdf (truy cập January 18, 2008); Joshua Kurlantzick, "Cultural Revolution: How China Is Changing Global Diplomacy," *New Republic*, June 27, 2005, 16–21. Để biết các cách nhìn khác, xem Minxin Pei, *China's Trapped Transition: The Limits of Developmental Autocracy* (Cambridge, Mass.: Harvard University Press, 2006); và Randall Peerenboom, *China Modernizes: Threat to the West or Model for the Rest?* (New York: Oxford University Press, 2007).
 36. Chi phí lao động của Trung Quốc đang bắt đầu tăng lên, đặc biệt là ở các thành phố lớn ở Đông Nam Trung Quốc. Một số sản xuất thâm dụng lao động đang bắt đầu chuyển sang các nước như Bangladesh và Việt Nam, nơi có chi phí lao động thấp hơn.
 37. Phòng vấn các nhà ngoại giao Đông Nam Á, 2004–2007.
 38. Alexander Liebman, "Trickle-Down Hegemony? China's 'Peaceful Rise' and Dam Building on the Mekong," *Contemporary Southeast Asia* 27, no. 2 (2005): 281–304; Richard P. Cronin, "Destructive Mekong Dams: Critical Need for Transparency," Henry L. Stimson Center, March 26, 2007, www.stimson.org/pub.cfm?id=435;

- Evelyn Goh, *Developing the Mekong: Regionalism and Regional Security in China-Southeast Asia Relations*, Adelphi Paper 387 (London: IISS, 2007).
39. Các phỏng vấn, Bắc Kinh, tháng 8/2007; Ariana Eunjung Cha, “Asians Say Trade Complaints Bring Out the Bully in China,” *Washington Post*, September 5, 2007.
 40. Xem ví dụ như K. K. Nair, “China’s ASAT Test: Implications and Options,” *Air Power* 2, no. 2 (Summer 2007): 57–74.
 41. Robert Putnam, “Diplomacy and Domestic Politics: The Logic of Two-Level Games,” *International Organization* 42 (1988): 427–461.
 42. Để biết một áp dụng thú vị của lý thuyết kiến tạo đối với trường hợp của Trung Quốc, xem Johnston, “Socialization in International Institutions,” 107–162.
 43. Muthiah Alagappa và Amitav Acharya thể hiện các quan điểm này trong các chương sách của họ trong Muthiah Alagappa, ed., *Asian Security Order: Instrumental and Normative Features* (Stanford, Calif.: Stanford University Press, 2003).
 44. Về văn hóa chiến lược của Trung Quốc, xem Alastair Iain Johnston, “Cultural Realism and Strategy in Maoist China,” in *The Culture of National Security: Norms and Identity in World Politics*, ed. Peter J. Katzenstein (New York: Columbia University Press, 1996), 216–270.

GIỚI THIỆU DỰ ÁN NGHIENCUUQUOCTE.NET

Mục đích

Nghiencuuquocte.net là một dự án phi chính trị, phi lợi nhuận nhằm mục đích phát triển nguồn học liệu chuyên ngành nghiên cứu quốc tế bằng tiếng Việt và thúc đẩy việc học tập, nghiên cứu các vấn đề quốc tế tại Việt Nam.

Lý do ra đời

Trong khi số người học tập và nghiên cứu về các vấn đề quốc tế ở Việt Nam ngày càng gia tăng thì việc tiếp cận các tài liệu mang tính học thuật của thế giới về lĩnh vực này còn rất hạn chế vì hai lý do: Thứ nhất, các tài liệu này thường phải trả phí mới tiếp cận được, trong khi các trường đại học và viện nghiên cứu của Việt Nam hầu như không có chi phí trang trải. Thứ hai, các tài liệu này chủ yếu được xuất bản bằng tiếng Anh, khiến nhiều sinh viên, nhà nghiên cứu, và đặc biệt là quang đại độc giả quan tâm đến các vấn đề quốc tế nói chung, gặp khó khăn trong việc tiếp thu, lĩnh hội. *Nghiencuuquocte.net* ra đời với hi vọng sẽ góp phần khắc phục được các vấn đề trên.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của *Nghiencuuquocte.net* là biên dịch sang tiếng Việt và xuất bản trên website của mình các nguồn tài liệu mang tính học thuật bằng tiếng Anh về lĩnh vực quan hệ quốc tế, bao gồm chính trị quốc tế, kinh tế quốc tế, và luật pháp quốc tế.

Các tài liệu này chủ yếu là các bài báo trên các tạp san quốc tế, các chương sách, hoặc các tài liệu tương ứng, đã được xuất bản bởi các nhà xuất bản, các trường đại học và viện nghiên cứu có uy tín trên thế giới.

Dự án ưu tiên biên dịch và xuất bản:

- Các bài viết mang tính nền tảng đối với lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Các bài viết có nhiều ảnh hưởng trong lĩnh vực này;
- Các bài viết liên quan trực tiếp hoặc có ảnh hưởng, hàm ý gián tiếp đến Việt Nam;
- Các bài viết được đồng đạo độc giả quan tâm.

Sau khi dự án hoạt động ổn định, số lượng các bài dịch có chất lượng tăng lên, *Nghiencuuquocte.net* có thể tính tới việc hợp tác với các đối tác để biên soạn các tuyển tập bài dịch theo từng chủ đề nhất định và phát hành dưới dạng sách in hoặc ebook.

Quy trình biên dịch và xuất bản

Ban biên tập chịu trách nhiệm tuyển lựa (và xin phép các nhà xuất bản nếu cần) các bài viết để giao cho các cộng tác viên dịch. Các cộng tác viên cũng có thể chủ động đề xuất lên Ban Biên tập các bài viết mà mình muốn dịch. Sau khi có sự đồng ý của Ban Biên tập, cộng tác viên sẽ tiến hành biên dịch.

Các cộng tác viên hoặc các cá nhân khác nếu đã dịch sẵn một bài viết/ chương sách nào đó cũng có thể gửi đến Ban Biên tập (kèm bản gốc tiếng Anh) để xem xét. Nếu đề tài phù hợp và chất lượng đạt yêu cầu, bài viết có thể được hiệu đính và xuất bản.

Sau khi nhận được bản dịch, Ban Biên tập sẽ kiểm tra bước đầu chất lượng bài dịch. Nếu chất lượng không đạt (ví dụ sai quá nhiều, khó có thể hiệu đính, biên tập được một cách hiệu quả) thì bài dịch sẽ bị từ chối và trả lại người dịch. Trong trường hợp chất lượng thỏa đáng, bài dịch sẽ được chuyển tới các cộng tác viên phù hợp để kiểm định và hiệu đính. Sau khi hiệu đính, Tổng Biên tập sẽ kiểm tra lại lần cuối. Nếu đạt yêu cầu, bài dịch sẽ được xuất bản trên website dự án.

Tổng Biên tập là người quyết định cuối cùng về việc lựa chọn bài dịch, người dịch, người hiệu đính, cũng như việc chuyển hiệu đính và xuất bản các bài viết.

Xuất bản các bài dịch đã được công bố

Ban biên tập hoan nghênh các cộng tác viên đóng góp các bài dịch đã được hiệu đính và xuất bản ở các nơi khác. Trong trường hợp đó, các cộng tác viên đảm bảo việc công bố các bài dịch đó trên *Nghiencuuquocte.net* đã được cho phép bởi các bên liên quan.

Yêu cầu đối với bản dịch

Để được xem xét xuất bản, bản dịch phải đảm ứng các yêu cầu sau:

- Dịch sát và đầy đủ bài viết nguyên gốc. Trong trường hợp vì lý do đặc biệt mà cộng tác viên muốn bỏ một phần nào đó của bài viết gốc thì phải thông báo và được sự đồng ý của Ban Biên tập.
- Ngôn ngữ tiếng Việt trong sáng, dễ hiểu. Hạn chế tối đa lỗi chính tả.
- Trong trường hợp có các thuật ngữ, đoạn văn người dịch cảm thấy khó hiểu hoặc dịch chưa chuẩn, người dịch cần đánh dấu (highlight) các thuật ngữ, đoạn văn đó để tiện cho việc hiệu đính biên tập.

- Giữ toàn bộ nguồn tài liệu tham khảo như trong bản gốc (footnote, endnote, bibliography). Các footnote, endnote có chứa thông tin bổ sung cần được dịch. Tuy nhiên, để tiện cho việc truy nguồn tài liệu tham khảo của người đọc, người dịch giữ nguyên tiếng Anh (không dịch sang tiếng Việt) các nguồn tài liệu tham khảo của bài viết gốc.
- Bài dịch phải được đánh máy bằng font chữ Unicode, cỡ 12 pt, cách dòng 1,5, file MSWord 2003, 2007, 2010 (không gửi bản pdf).
- Bài dịch phải sử dụng Bìa bài dịch theo mẫu thống nhất. Download template bìa bài dịch tại đây: [Template Bìa bài dịch](#)
- Tên file: Tên người dịch + Tên bài viết gốc bằng tiếng Anh.
- Bài dịch sau khi hoàn thành gửi về địa chỉ: nghiencuuquocte@gmail.com.

Thời hạn hoàn thành bản dịch

Vì đây là một dự án dựa trên sự đóng góp tự nguyện, Ban Biên tập không yêu cầu thời hạn cụ thể đối với việc hoàn thành các bản dịch. Tuy nhiên, Ban Biên tập hi vọng sẽ nhận được bản dịch trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày bản gốc được gửi cho người dịch. Thông thường các bản bài gốc tiếng Anh sẽ có độ dài từ 20-35 trang (bao gồm endnote, footnote, bibliography).

Cộng tác với *Ngheencuuquocte.net*

Do đây là một dự án phi lợi nhuận mới ở giai đoạn đầu và chưa có tài trợ nên chúng tôi kêu gọi sự tham gia tình nguyện của các cộng tác viên ở cả hai công đoạn biên dịch và hiệu đính. Nếu bạn quan tâm và muốn trở thành cộng tác viên của dự án, vui lòng điền vào mẫu đơn đăng ký tại: <http://ngheencuuquocte.net/dang-ky-cong-tac/>

Các cộng tác viên đăng ký, tùy vào quyết định của Ban Biên tập, có thể sẽ được đưa vào danh sách cộng tác viên luôn hoặc sẽ được gửi một đoạn trích từ một bài báo/chương sách (khoảng 1-2 trang) để dịch thử. Nếu đạt yêu cầu, chúng tôi sẽ đưa các bạn vào danh sách cộng tác viên và sẽ gửi bài cho các bạn biên dịch/ hiệu đính khi có bài phù hợp với chuyên môn của bạn hoặc theo đăng ký chủ động của bạn. Lưu ý: Việc bạn được gửi bài để dịch cũng như việc bạn nộp bài đã dịch không đảm bảo chắc chắn bài dịch của bạn sẽ được hiệu đính, biên tập và xuất bản.

Lợi ích của việc trở thành cộng tác viên của *Ngheencuuquocte.net*:

- Rèn luyện và nâng cao khả năng tiếng Anh, nhất là kỹ năng dịch thuật;
- Mở rộng hiểu biết về các lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng học tập và nghiên cứu quốc tế tại Việt Nam;
- Được cấp giấy chứng nhận cộng tác viên (có thể đưa vào hồ sơ xin học bổng, xin việc làm) nếu đóng góp từ 2 bài dịch trở lên.
- Được nhận thù lao trong trường hợp dự án xin được tài trợ hoạt động hoặc bài dịch được sử dụng trong các ấn phẩm phát hành có thu phí.

Bản quyền bài dịch

Bản quyền đối với bản dịch được xuất bản cùng được chia sẻ bởi người dịch, người hiệu đính (nếu phải hiệu đính) và trang *Ngheencuuquocte.net*. Trong trường hợp bản dịch phát sinh doanh thu (ví dụ được đưa vào các giáo trình, tập bài đọc, hoặc các ấn phẩm khác được phát hành có thu phí như sách in hoặc ebook), thì sau khi trừ các chi phí biên soạn, in ấn, phát hành, lợi nhuận thu được sẽ được chia theo tỉ lệ: Người dịch: 40% (hoặc 75% nếu không phải hiệu đính); Người hiệu đính: 35%, trang *Ngheencuuquocte.net*: 25%.

Trang *Ngheencuuquocte.net* chịu mọi phí tổn trong trường hợp phải trả phí cho nhà xuất bản để bài viết được phép dịch sang tiếng Việt.

Đăng tải, phát hành lại bài dịch từ *ngheencuuquocte.net*

Việc đăng tải lại trên các trang mạng các bài dịch đã công bố trên website dự án phải ghi rõ nguồn và dẫn link tới bài viết gốc trên *ngheencuuquocte.net*.

Trong trường hợp in ấn hoặc sử dụng các bài viết cho mục đích thương mại, các bên liên quan phải nhận được sự cho phép bằng văn bản của Ban Biên tập *ngheencuuquocte.net*.

Dù nỗ lực tối đa trong nguồn lực cho phép để đảm bảo chất lượng của các bài dịch, *ngheencuuquocte.net* không chịu trách nhiệm về độ tin cậy, chính xác của các bài dịch cũng như những hậu quả có thể phát sinh từ việc trích dẫn, sử dụng lại nội dung của các bài dịch đó dưới bất kỳ hình thức nào.

Miễn trừ trách nhiệm

Trong khi trân trọng sự đóng góp của các cộng tác viên, *Ngheencuuquocte.net* và Ban Biên tập không thể chịu bất cứ trách nhiệm nào đối với các tổn thất, thiệt hại về vật chất, tinh thần, thời gian, sức khỏe... có thể xảy ra đối với các cộng tác viên trong quá trình tiến hành cộng tác với dự án.

Liên lạc

Mọi trao đổi xin vui lòng gửi tới: Lê Hồng Hiệp Email: ngheencuuquocte@gmail.com.